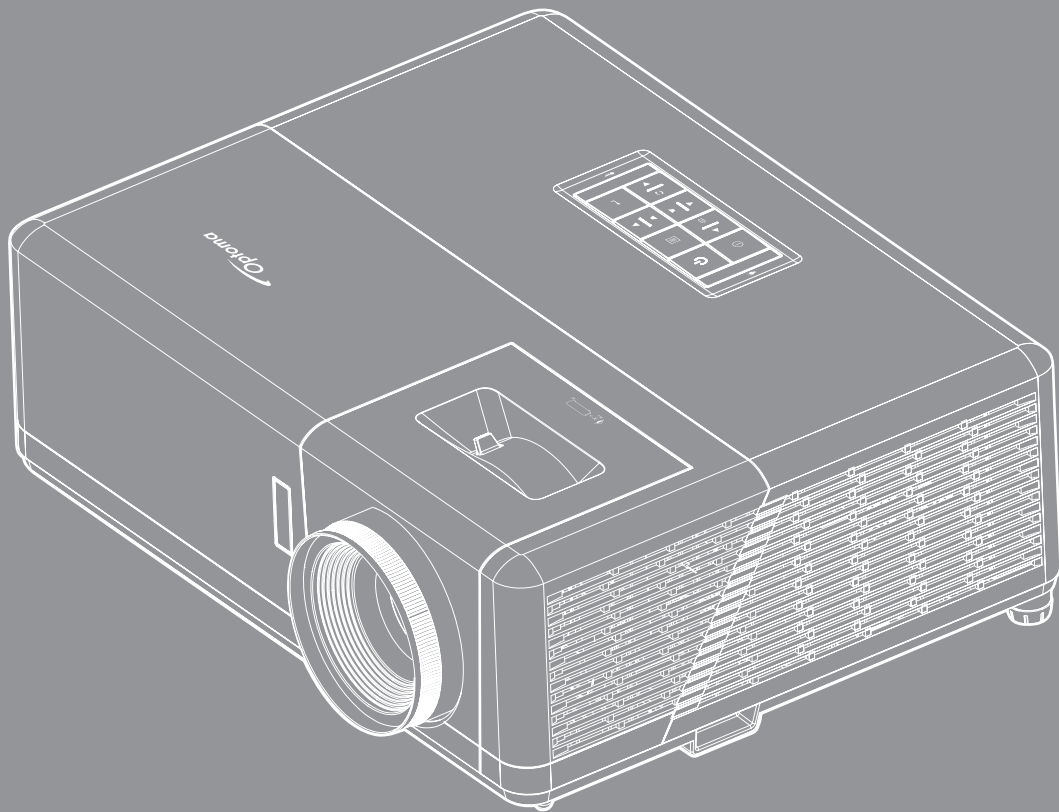


Máy chiếu DLP®





MỤC LỤC

AN TOÀN	4
<i>Hướng dẫn an toàn quan trọng</i>	<i>4</i>
<i>Thông tin an toàn bức xạ laser</i>	<i>5</i>
<i>Thông báo Laser</i>	<i>6</i>
<i>Lau ống kính</i>	<i>6</i>
<i>Thông tin an toàn 3D</i>	<i>6</i>
<i>Bản quyền</i>	<i>7</i>
<i>Khước từ trách nhiệm</i>	<i>7</i>
<i>Nhận biết thương hiệu</i>	<i>7</i>
<i>FCC</i>	<i>8</i>
<i>Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu</i>	<i>8</i>
<i>WEEE</i>	<i>8</i>
GIỚI THIỆU	9
<i>Tổng quan về gói sản phẩm</i>	<i>9</i>
<i>Phụ kiện chuẩn</i>	<i>9</i>
<i>Tổng quan về Sản phẩm</i>	<i>10</i>
<i>Các đầu nối</i>	<i>11</i>
<i>Bàn phím</i>	<i>12</i>
<i>Điều khiển từ xa</i>	<i>13</i>
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT	14
<i>Lắp đặt máy chiếu</i>	<i>14</i>
<i>Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu</i>	<i>16</i>
<i>Điều chỉnh Hình ảnh chiếu</i>	<i>17</i>
<i>Thiết lập điều khiển từ xa</i>	<i>18</i>
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU	20
<i>Bật/tắt nguồn máy chiếu</i>	<i>20</i>
<i>Chọn nguồn vào</i>	<i>21</i>
<i>Menu cài đặt máy chiếu (OSD)</i>	<i>22</i>
<i>Sơ đồ menu OSD</i>	<i>23</i>
<i>Menu hiển thị</i>	<i>29</i>
<i>Menu Âm thanh</i>	<i>35</i>
<i>Menu thiết lập</i>	<i>36</i>
<i>Menu Thông tin</i>	<i>39</i>

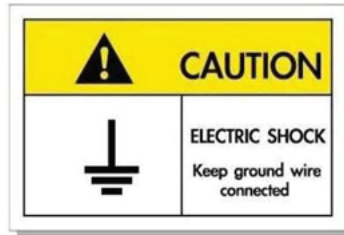
THÔNG TIN BỔ SUNG 40

<i>Độ phân giải tương thích</i>	<i>40</i>
<i>Cỡ hình và khoảng cách chiếu</i>	<i>45</i>
<i>Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần</i>	<i>46</i>
<i>Các mã điều khiển từ xa</i>	<i>47</i>
<i>Khắc phục sự cố</i>	<i>49</i>
<i>Chỉ báo cảnh báo</i>	<i>50</i>
<i>Thông số kỹ thuật</i>	<i>53</i>
<i>Văn phòng toàn cầu của Optoma</i>	<i>54</i>

AN TOÀN

	Biểu tượng ánh chớp có đầu mũi tên trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về "điện thế nguy hiểm" không được cách điện trong vỏ ngoài của sản phẩm và độ lớn có thể đủ mạnh dẫn đến nguy cơ điện giật cho người.
	Dấu than trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về các hướng dẫn bảo dưỡng (bảo trì) và vận hành quan trọng trong tài liệu đi kèm thiết bị.

Vui lòng thực hiện theo mọi cảnh báo, thận trọng và bảo dưỡng được khuyến nghị trong sách hướng dẫn sử dụng này.



Để tránh bị điện giật, máy và các thiết bị ngoại vi phải được nối đất đúng cách (đã nối đất).

Hướng dẫn an toàn quan trọng

- Không chặn các lỗ thông khí. Để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của máy chiếu và để bảo vệ chống quá nhiệt, bạn nên đặt máy chiếu ở vị trí không chặn lỗ thông khí. Ví dụ, không đặt máy chiếu trên bàn cà phê, ghế sofa, giường, v.v. chật chội. Không đặt máy chiếu ở nơi bí như giá sách hoặc ngăn kéo hạn chế luồng khí.
- Để giảm nguy cơ cháy và/hoặc điện giật, không để máy chiếu dính nước hoặc hơi ẩm. Không đặt gần các nguồn nhiệt như bộ tản nhiệt, máy sưởi, lò sấy hoặc bất kỳ thiết bị nào khác như bộ khuếch đại có tỏa nhiệt.
- Không để đồ vật hoặc chất lỏng lọt vào máy chiếu. Chúng có thể chạm vào các điểm điện thế nguy hiểm và làm ngắn mạch các bộ phận có thể dẫn đến cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng trong các điều kiện sau:
 - Trong môi trường nóng, lạnh hoặc ẩm khắc nghiệt.
 - (i) Đảm bảo nhiệt độ xung quanh phòng là 5°C ~ 40°C
 - (ii) Độ ẩm tương đối là 10% ~ 85%
 - Ở khu vực dễ có nhiều bụi bặm.
 - Gần một thiết bị phát ra từ trường mạnh.
 - Dưới ánh nắng trực tiếp.
- Không sử dụng thiết bị nếu nó đã bị hỏng hoặc lạm dụng về mặt vật lý. Hư hỏng/lạm dụng vật lý có thể là (nhưng không giới hạn ở):
 - Thiết bị đã bị rơi.
 - Dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.
 - Chất lỏng bị đổ vào máy chiếu.
 - Máy chiếu bị dính nước mưa hoặc hơi ẩm.
 - Một số vật rơi vào trong máy chiếu hoặc một số chi tiết bên trong bị lỏng.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt không ổn định. Máy chiếu có thể rơi và gây chấn thương cho mọi người hoặc máy chiếu có thể bị hỏng.
- Đừng che kín ánh sáng thoát ra từ ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Ánh sáng có thể làm nóng chảy vật dụng, gây bỏng hoặc phát hỏa.
- Vui lòng không mở hoặc tháo rời máy chiếu vì việc này có thể dẫn đến điện giật.

- Không cố tự bảo dưỡng thiết bị. Mở hoặc tháo vỏ có thể làm bạn bị điện giật hoặc gặp rủi ro khác. Vui lòng liên hệ với Optoma trước khi bạn gửi thiết bị để sửa chữa.
- Xem vỏ ngoài của máy chiếu để biết các ký hiệu liên quan.
- Thiết bị chỉ được sửa chữa bởi nhân viên bảo dưỡng phù hợp.
- Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất chỉ định.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu trong khi sử dụng. Ánh sáng chói có thể làm mắt bạn bị tổn thương.
- Khi tắt máy chiếu, vui lòng đảm bảo hoàn tất chu kỳ làm mát trước khi ngắt điện. Chờ 90 giây để máy chiếu nguội.
- Tắt máy và rút phích cắm khỏi ổ cắm AC trước khi lau sản phẩm.
- Dùng khăn khô mềm với chất tẩy rửa nhẹ để lau hốc hiển thị. Sử dụng các chất tẩy rửa ăn mòn, chất sáp hoặc dung môi để vệ sinh thiết bị.
- Ngắt phích cắm khỏi ổ cắm AC nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.
- *Không lắp đặt máy chiếu ở những nơi có thể bị rung động hoặc va đập.*
- *Không chạm vào ống kính bằng tay trần.*
- *Tháo (các) cục pin ra khỏi điều khiển từ xa trước khi cất giữ. Nếu (các) cục pin vẫn để lại trong điều khiển từ xa trong thời gian dài, chúng có thể rò rỉ.*
- *Không sử dụng hoặc cất giữ máy chiếu ở những nơi có thể xuất hiện khói từ dầu hoặc thuốc lá, vì khói có thể ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng hoạt động của máy chiếu.*
- *Hãy tuân thủ cách lắp đặt hướng máy chiếu thích hợp vì lắp đặt không quy chuẩn có thể ảnh hưởng đến hiệu suất máy chiếu.*
- *Sử dụng bộ ổ cắm điện và/hoặc bộ chống sốc điện. Vì sự cố cúp điện và nguồn yếu có thể LÀM HỒNG các thiết bị.*

Thông tin an toàn bức xạ laser

- Sản phẩm này được phân loại là SẢN PHẨM LASER CẤP ĐỘ 1 - NHÓM RỦI RO 2 của tiêu chuẩn IEC60825-1:2014 và theo 21 CFR 1040.10 và 1040.11, được xếp là Nhóm rủi ro 2, LIP (Laser Illuminated Projector - Máy chiếu được chiếu sáng bằng laser) như được định nghĩa trong IEC 62471-5:Ed.1.0. Để biết thêm thông tin, hãy xem Thông báo Laser số 57, ngày 8 tháng 5 năm 2019.

IEC 60825-1:2014, EN 60825-1:2014+A11:2021, EN 50689:2021 CLASS 1 CONSUMER LASER PRODUCT RISK GROUP 2, Complies with 21 CFR 1040.10 and 1040.11 except for conformance as a Risk Group 2 LIP as defined in IEC 62471-5:Ed.1.0. For more information see Laser Notice No. 57, dated May 8, 2019.
IEC 60825-1:2014 等級1雷射產品RG2危險等級
IEC 60825-1:2014 1類激光產品RG2危險等級



"WARNING: MOUNT ABOVE THE HEADS OF CHILDREN."
Additional warning against eye exposure for close exposures less than 1 m.
"AVERTISSEMENT : INSTALLER AU-DESSUS DE LA TÊTE DES ENFANTS."
Avertissement supplémentaire contre l'exposition oculaire pour des expositions à une distance de moins de 1 m.
"警告：安裝在高於孩童頭頂處"
關於小於1 m近距離眼睛暴露的附加警告
「警告：安裝在高於兒童頭部處」
針對1 m以下近距離眼睛接觸的額外警告

- Giống như mọi nguồn sáng khác, không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng trực tiếp, RG2 IEC 62471-5:2015.
- Máy chiếu này là sản phẩm laser cấp độ 1 của IEC/EN 60825-1: 2014 và nhóm rủi ro 2 với các yêu cầu của IEC 62471-5:2015.
- Các hướng dẫn bổ sung để trông coi trẻ nhỏ, không được nhìn thẳng và không được sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học.
- Thông báo được đưa ra để giám sát trẻ em và không bao giờ cho phép trẻ em nhìn thẳng vào chùm tia sáng của máy chiếu từ bất kỳ khoảng cách nào.

- Thông báo được đưa ra để thận trọng khi sử dụng điều khiển từ xa để bật máy chiếu khi đứng trước ống kính máy chiếu.
- Thông báo được đưa ra cho người dùng để tránh sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học như ống nhòm hoặc kính viễn vọng lên chùm tia sáng
- Khi bật máy chiếu, đảm bảo không có ai trong phạm vi chiếu đang nhìn vào ống kính.
- Để bắt cứ những đồ vật nào (như kính lúp v.v...) tránh khỏi đường ánh sáng của máy chiếu. Đường ánh sáng được chiếu từ ống kính rất mạnh, nên mọi vật thể lạ đều có thể phản chiếu ánh sáng từ ống kính, gây nên hậu quả khôn lường như cháy hoặc tổn thương mắt.
- Bất kỳ thao tác hay điều chỉnh nào không được chỉ dẫn cụ thể qua sổ tay sử dụng sẽ tạo ra rủi ro phơi nhiễm phóng xạ laser nguy hiểm.
- Không được mở hoặc tháo rời máy chiếu vì điều này có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.
- Không nhìn thẳng vào chùm tia sáng khi máy chiếu đang bật. Ánh sáng này có thể gây thiệt hại mắt vĩnh viễn.

Không tuân thủ quy trình điều khiển, điều chỉnh hoặc thao tác có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser

Thông báo Laser

IEC 60825-1:2014: SẢN PHẨM LASER LOẠI 1 - NHÓM RỦI RO 2.

Sản phẩm này có mục đích sử dụng là sản phẩm laser tiêu dùng và tuân thủ theo EN 50689:2021.

SẢN PHẨM LASER TIÊU DÙNG LOẠI 1

EN 50689:2021

Lau ống kính

- Trước khi vệ sinh ống kính, đảm bảo tắt máy chiếu và rút dây nguồn ra để nó nguội hoàn toàn.
- Sử dụng bình khí nén để loại bỏ bụi bẩn.
- Sử dụng loại khăn đặc biệt để lau ống kính nhẹ nhàng. Không chạm tay vào ống kính.
- Không sử dụng chất tẩy rửa có tính kiềm/axit hoặc dung môi dễ bay hơi như cồn để lau ống kính. Nếu ống kính bị hỏng do quá trình lau chùi, nó không được bảo hành.



Cảnh báo: Không dùng bình xịt chứa khí dễ cháy để loại bỏ bụi bẩn khỏi ống kính. Điều này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt quá cao bên trong máy chiếu.



Cảnh báo: Không vệ sinh ống kính nếu máy chiếu nóng lên vì điều này có thể khiến lớp bề mặt ống kính bị bong ra.



Cảnh báo: Không lau hoặc chạm vào ống kính bằng vật cứng.

Thông tin an toàn 3D

Hãy tuân thủ mọi cảnh báo và cách phòng ngừa như khuyến nghị trước khi bạn hoặc con mình sử dụng chức năng 3D.

Cảnh báo

Trẻ em và thanh thiếu niên có thể dễ gặp các vấn đề sức khỏe liên quan đến việc xem 3D hơn và cần được giám sát chặt khi xem các hình ảnh này.

Cảnh báo về Co giật Do Nhạy cảm với Ánh sáng và Các Nguy cơ Sức khỏe Khác

- Một số người xem có thể bị co giật động kinh hay đột quỵ khi tiếp xúc với một số hình ảnh hay ánh sáng nhấp nháy có trong một số hình ảnh từ Máy chiếu hoặc trò chơi điện tử. Nếu bạn bị như vậy hoặc có tiền sử gia đình về động kinh hay đột quỵ, vui lòng tham khảo ý kiến chuyên gia y tế trước khi

sử dụng chức năng 3D.

- Thậm chí những người không có tiền sử cá nhân hay gia đình về động kinh hoặc đột quỵ cũng có thể có tình trạng chưa được chẩn đoán có thể gây ra co giật động kinh do nhạy cảm với ánh sáng.
- Phụ nữ có thai, người già, người mắc các bệnh trạng nghiêm trọng, người ngủ do hoặc chịu ảnh hưởng của rượu cần tránh sử dụng chức năng 3D của thiết bị.
- Nếu quý vị có bất kỳ triệu chứng nào sau đây, hãy ngừng xem ảnh 3D ngay lập tức và tham khảo ý kiến chuyên gia y tế: (1) thay đổi thị lực; (2) vầng đầu; (3) chóng mặt; (4) cử động không chủ ý như mắt hoặc cơ bị giật; (5) lẫn lộn; (6) buồn nôn; (7) mất nhận thức; (8) co giật; (9) chuột rút; và/ hoặc (10) mất phương hướng. Trẻ em và thanh thiếu niên có nhiều khả năng bị những triệu chứng này hơn người lớn. Cha mẹ cần theo dõi con em mình và hỏi trẻ có bị những triệu chứng này không.
- Việc xem hình chiếu 3D cũng có thể gây ra tình trạng bệnh do chuyển động, tác động cảm giác sau đó, mất phương hướng, căng mắt và giảm ổn định về tư thế. Người dùng cần thường xuyên nghỉ giải lao để giảm khả năng xảy ra các tác động này. Nếu mắt bạn có dấu hiệu mệt mỏi hoặc kho, hay nếu bạn có bất kỳ triệu chứng nào nêu trên, hãy dừng sử dụng thiết bị này ngay lập tức và không dùng lại trong ít nhất ba mươi phút sau khi các triệu chứng đã giảm bớt.
- Việc xem hình chiếu 3D khi ngồi quá gần với màn hình trong thời gian kéo dài có thể làm hỏng thị lực của bạn. Khoảng cách xem lý tưởng tối thiểu bằng ba lần chiều cao màn hình. Tầm mắt của người xem cần ngang bằng với màn hình.
- Việc xem hình chiếu 3D trong khi đeo kính 3D trong thời gian kéo dài có thể gây đau đầu hay mệt mỏi. Nếu bạn bị đau đầu, mệt mỏi hoặc chóng mặt, hãy dừng xem hình chiếu 3D và nghỉ ngơi.
- Không sử dụng kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc xem hình chiếu 3D.
- Việc đeo kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác (như kính mắt nói chung, kính râm, kính bảo hộ, v.v.) có thể có hại cho thể chất của bạn và làm yếu thị lực.
- Việc xem hình chiếu 3D có thể gây mất phương hướng cho một số người xem. Do đó, KHÔNG ĐỂ MÁY CHIẾU 3D gần khu vực cầu thang mở, dây cáp, ban công hay các vật thể khác có thể bị vấp phải, mắc vào, húc ngã, vỡ hay rơi.

Bản quyền

Ấn bản này, kể cả mọi hình ảnh, minh họa và phần mềm, được bảo vệ theo các luật bản quyền quốc tế với mọi bản quyền được bảo lưu. Cấm tái bản số tay này cũng như bất cứ phần nào chứa bên trong mà không có sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

© Bản quyền 2022

Khước từ trách nhiệm

Thông tin trong tài liệu này có thể chịu sự thay đổi mà không cần thông báo trước. Nhà sản xuất không đưa ra bất cứ tuyên bố hoặc chính sách bảo hành nào đối với các nội dung liên quan và đặc biệt khước từ mọi chính sách bảo hành gián tiếp về tính thương mại hay khả năng tương thích của sản phẩm cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Nhà sản xuất có quyền sửa đổi ấn bản này và thỉnh thoảng thay đổi nội dung liên quan mà không có trách nhiệm thông báo cho bất cứ cá nhân nào về những chỉnh sửa hay thay đổi đó.

Nhận biết thương hiệu

Kensington là thương hiệu đã đăng ký tại Mỹ của ACCO Brand Corporation với các số đăng ký đã được cấp và các ứng dụng đang chờ cấp bằng sáng chế ở những nước khác trên toàn thế giới.

HDMI, Biểu tượng HDMI và High-Definition Multimedia Interface (Giao diện đa phương tiện độ nét cao) là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing LLC ở Mỹ và các nước khác.

DLP®, DLP Link và biểu tượng DLP là các thương hiệu đã đăng ký của Texas Instruments, và BrilliantColor™ là thương hiệu của Texas Instruments.

MHL, Biểu tượng Mobile High-Definition Link và MHL là thương hiệu của MHL Licensing, LLC.

Mọi tên sản phẩm khác sử dụng trong sổ hướng dẫn này là tài sản của các công ty sở hữu riêng và đã được công nhận.

FCC

Thiết bị này đã được kiểm thử và chứng tỏ tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại B chiều theo Phần 15 của quy định FCC. Các giới hạn này nhằm cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước nhiễu sóng có hại trong lắp đặt tại gia đình. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số radio và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể làm nhiễu sóng có hại đối với liên lạc bằng radio.

Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng nhiễu sóng sẽ không xuất hiện ở một cách lắp đặt cụ thể nào. Nếu thiết bị này gây ra nhiễu sóng có hại đối với việc tiếp nhận radio hoặc truyền hình, có thể xác định điều này bằng cách bật và tắt thiết bị, người dùng nên cố khắc phục nhiễu sóng bằng một hoặc các biện pháp sau:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí ăng ten nhận tín hiệu.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận tín hiệu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm của mạch điện khác với nơi cắm bộ nhận tín hiệu.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Thông báo: Cáp có vỏ bọc

Mọi kết nối tới các thiết bị máy tính phải sử dụng cáp có vỏ bọc để tuân thủ các quy định FCC.

Chú ý

Các thay đổi hoặc chỉnh sửa không được thông qua trực tiếp bởi nhà sản xuất có thể khiến cho người dùng mất quyền sử dụng máy chiếu này vốn được cấp phép bởi Ủy ban Truyền thông Liên bang.

Điều kiện hoạt động

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau:

1. Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại và
2. Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận, bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

Thông báo: Người dùng Canada

Thiết bị kỹ thuật số loại B này tuân thủ tiêu chuẩn ICES-003 của Canada.

Remarque à l'intention des utilisateurs canadiens

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu

- Chỉ thị EMC 2014/30/EC (bao gồm các sửa đổi)
- Chỉ thị 2014/35/EC về điện thế thấp
- RED 2014/53/EU (nếu sản phẩm có chức năng RF)

WEEE



Hướng dẫn thải bỏ

Không vứt thiết bị điện tử này vào thùng rác khi thải bỏ. Để giảm thiểu ô nhiễm và đảm bảo sự bảo vệ tối đa cho môi trường toàn cầu, hãy tái chế thiết bị này.

GIỚI THIỆU

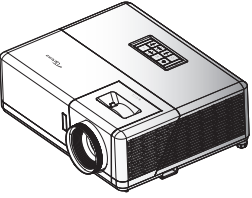

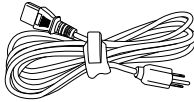
Cảm ơn bạn đã mua máy chiếu Optoma 4K UHD. Để biết danh sách tính năng đầy đủ, vui lòng ghé thăm trang sản phẩm trên trang web của chúng tôi. Tại đây bạn sẽ được nhận thêm nhiều thông tin và tài liệu hơn, ví dụ như về cài đặt điều khiển hay các câu hỏi thường gặp.

Tổng quan về gói sản phẩm

Cẩn thận mở hộp đựng và xác nhận là bạn đã nhận các mặt hàng như liệt kê dưới đây thuộc phụ kiện chuẩn. Một số mặt hàng thuộc phụ kiện chuẩn có thể không có sẵn tùy theo mẫu sản phẩm, thông số kỹ thuật và khu vực mua hàng của bạn. Hãy kiểm tra với nơi mua hàng của bạn. Một số phụ kiện có thể khác nhau tùy theo khu vực.

Thẻ bảo hành chỉ được kèm theo ở một số khu vực cụ thể. Hãy liên hệ với đại lý bán hàng để có thông tin chi tiết.

Phụ kiện chuẩn

			<input type="checkbox"/> Thẻ bảo hành* <input checked="" type="checkbox"/> Sổ hướng dẫn khởi động nhanh
Máy chiếu	Điều khiển từ xa hồng ngoại	Dây dẫn điện	Tài liệu

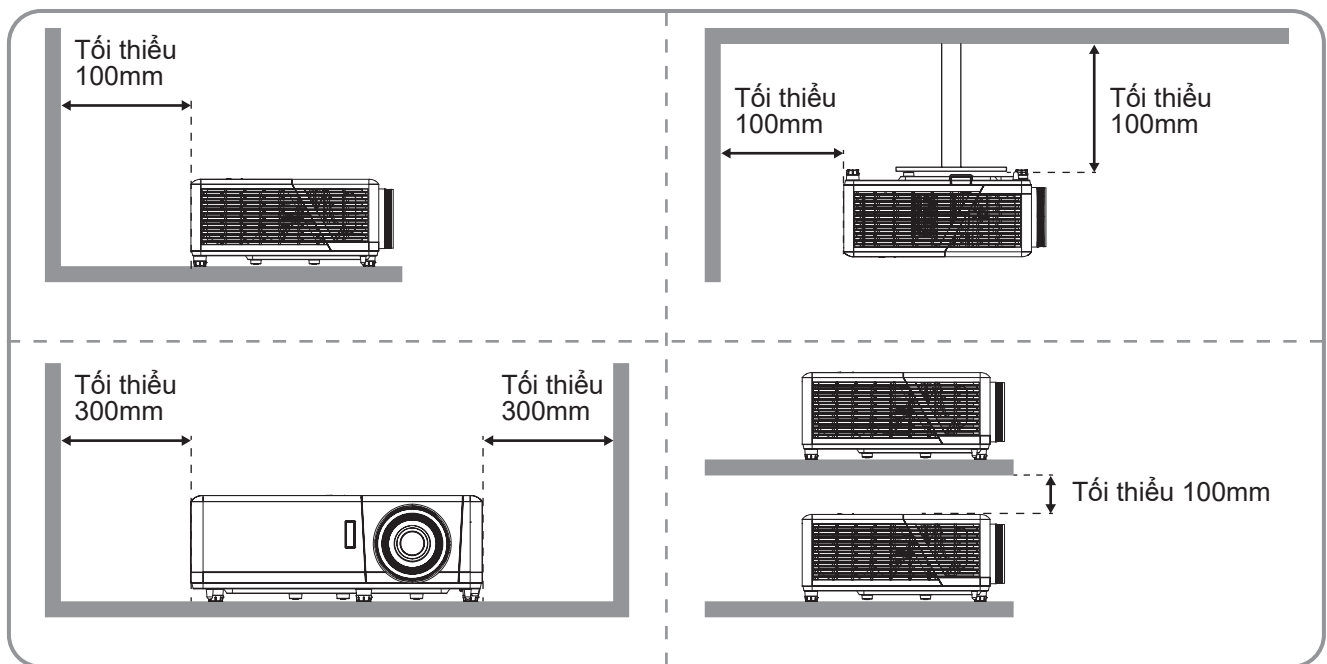
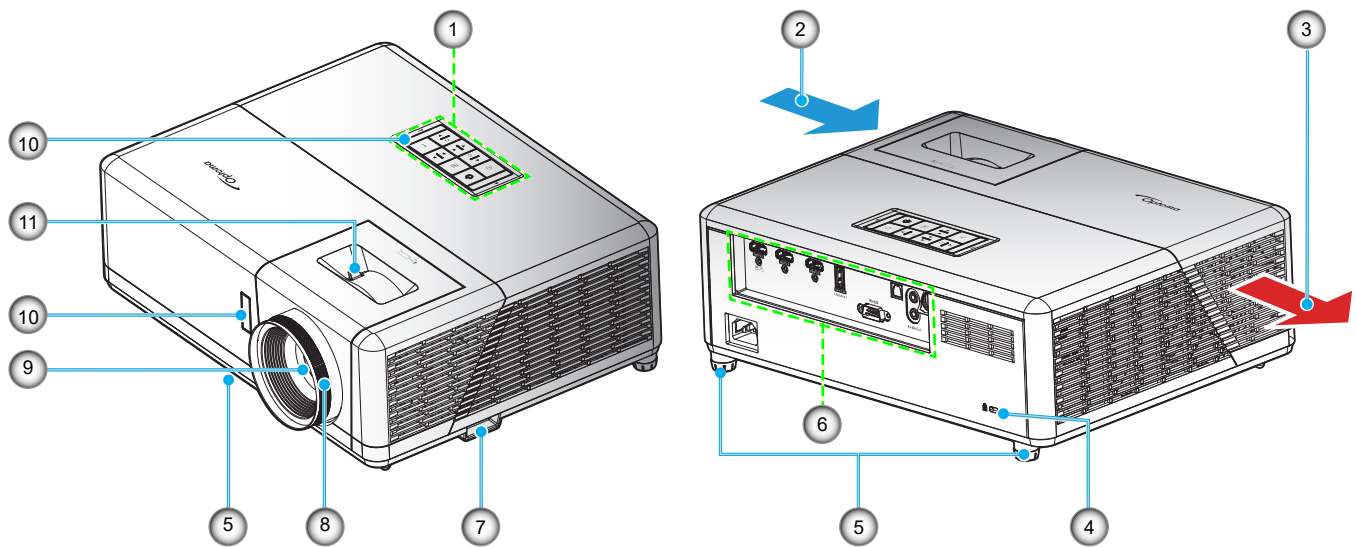
Lưu ý:

- Điều khiển từ xa thực tế có thể khác nhau tùy theo từng khu vực.
- Điều khiển từ xa được gửi kèm pin.
- *Để biết thông tin bảo hành, vui lòng tham khảo <https://www.optoma.com/support/download>
- Để xem thông tin cài đặt, hướng dẫn sử dụng, thông tin bảo hành và cập nhật sản phẩm - vui lòng quét Mã QR này hoặc truy cập URL sau: <https://www.optoma.com/support/download>



GIỚI THIỆU

Tổng quan về Sản phẩm



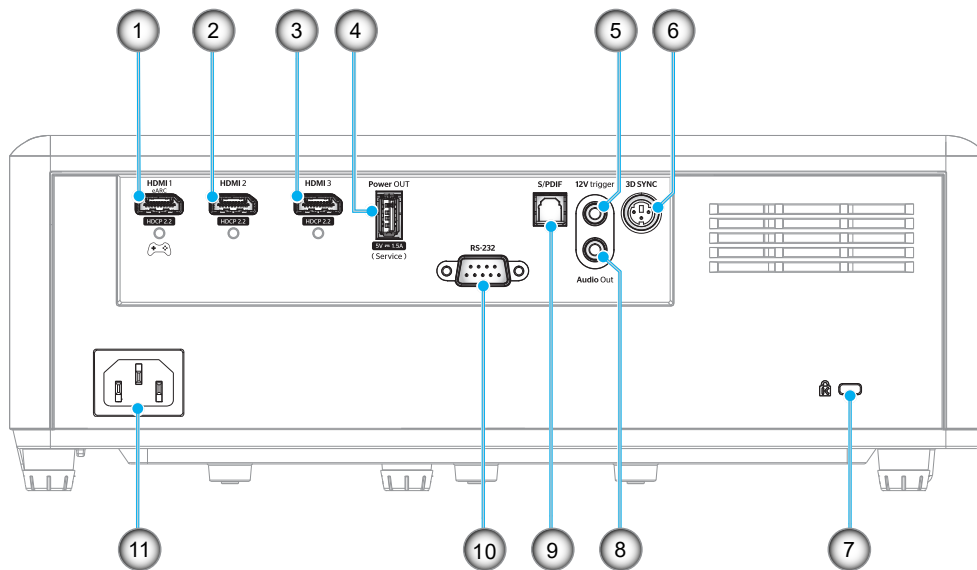
Lưu ý:

- Không chặn bít đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian kín, hãy chừa khoảng cách ít nhất 30 cm quanh đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.

STT	Mục	STT	Mục
1.	Bàn phím	7.	Thanh Bảo vệ
2.	Thông khí (cửa nạp)	8.	Vòng chỉnh tiêu điểm
3.	Thông khí (cửa thoát)	9.	Ống kính
4.	Cổng khóa Kensington™	10.	Bộ thu hồng ngoại (phía trước và trên)
5.	Chân chỉnh độ nghiêng	11.	Vòng chỉnh thu phóng
6.	Đầu vào/Đầu ra		

GIỚI THIỆU

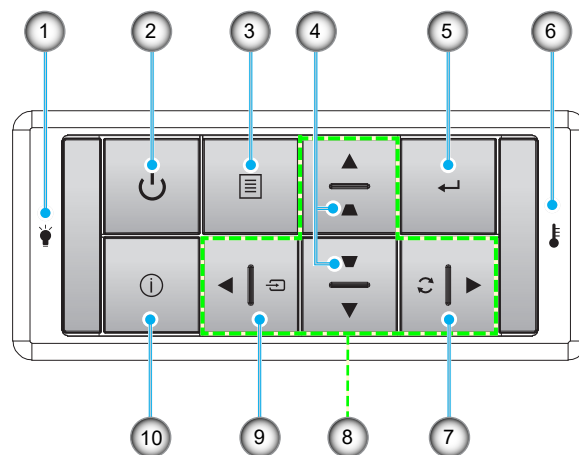
Các đầu nối



STT	Mục	STT	Mục
1.	Đầu nối HDMI 1 (Đầu ra eARC/ARC; chế độ độ trễ thấp)	7.	Cổng khóa Kensington™
2.	Đầu nối HDMI 2 (truyền định dạng âm thanh eARC qua đầu nối HDMI-1)	8.	Đầu ra âm thanh
3.	Đầu nối HDMI 3 (truyền định dạng âm thanh eARC qua đầu nối HDMI-1)	9.	Đầu cắm S/PDIF <ul style="list-style-type: none">• Đầu ra analog: Chỉ hỗ trợ PCM 2 kênh• Đầu ra KTS: Dolby Digital 5.1 (AC3)
4.	Đầu ra nguồn (5V---1,5A) (để bảo trì)	10.	Đầu cắm RS-232
5.	Đầu cắm 12V (đầu ra DC; Điện áp: 12V, Cường độ: Tối đa 0,5A)	11.	Ổ cắm điện
6.	ĐỒNG BỘ HÓA 3D		

GIỚI THIỆU

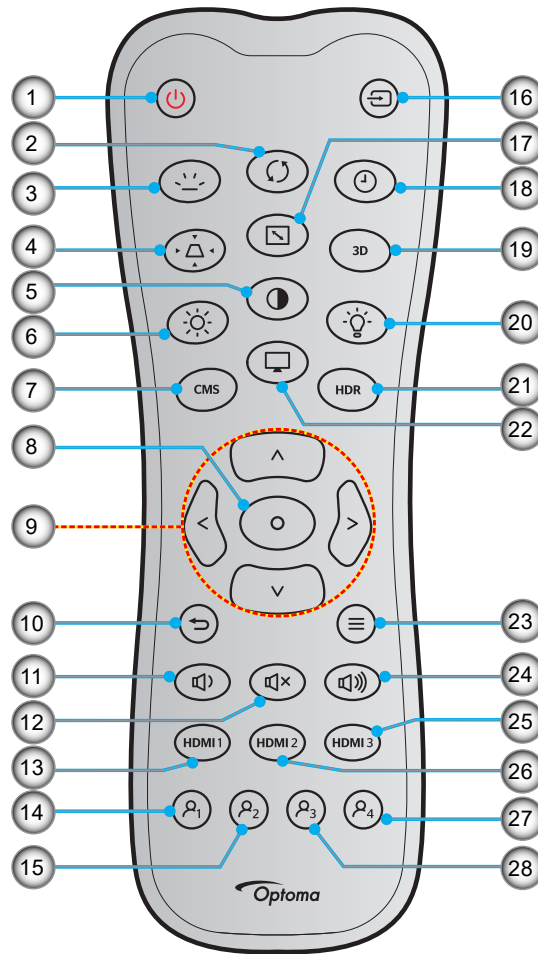
Bàn phím



STT	Mục	STT	Mục
1.	Nguồn ánh sáng LED	6.	Đèn LED nhiệt độ
2.	Nguồn/Đèn LED nguồn	7.	Tái Đồng Bộ
3.	Menu	8.	Bốn phím chọn điều hướng
4.	Hiệu chỉnh độ méo	9.	Nguồn tín hiệu
5.	Nhập	10.	Thông tin

GIỚI THIỆU

Điều khiển từ xa



STT	Mục	STT	Mục
1.	Bật nguồn	15.	Người dùng 2 (có thể gán)
2.	Tái đồng bộ	16.	Nguồn tín hiệu
3.	Đèn nền	17.	Tỉ lệ khung hình
4.	Điều chỉnh vuông hình	18.	Hẹn giờ tắt máy
5.	Độ tương phản	19.	Bật/tắt menu 3D
6.	Độ sáng	20.	Đèn
7.	CMS	21.	HDR
8.	Nhập	22.	Chế độ
9.	Bốn phím chọn điều hướng	23.	Menu
10.	Quay lại	24.	Âm lượng +
11.	Âm lượng -	25.	HDMI3
12.	Tắt tiếng	26.	HDMI2
13.	HDMI1	27.	Người dùng 4 (có thể gán)
14.	Người dùng 1 (có thể gán)	28.	Người dùng 3 (có thể gán)

Lưu ý:

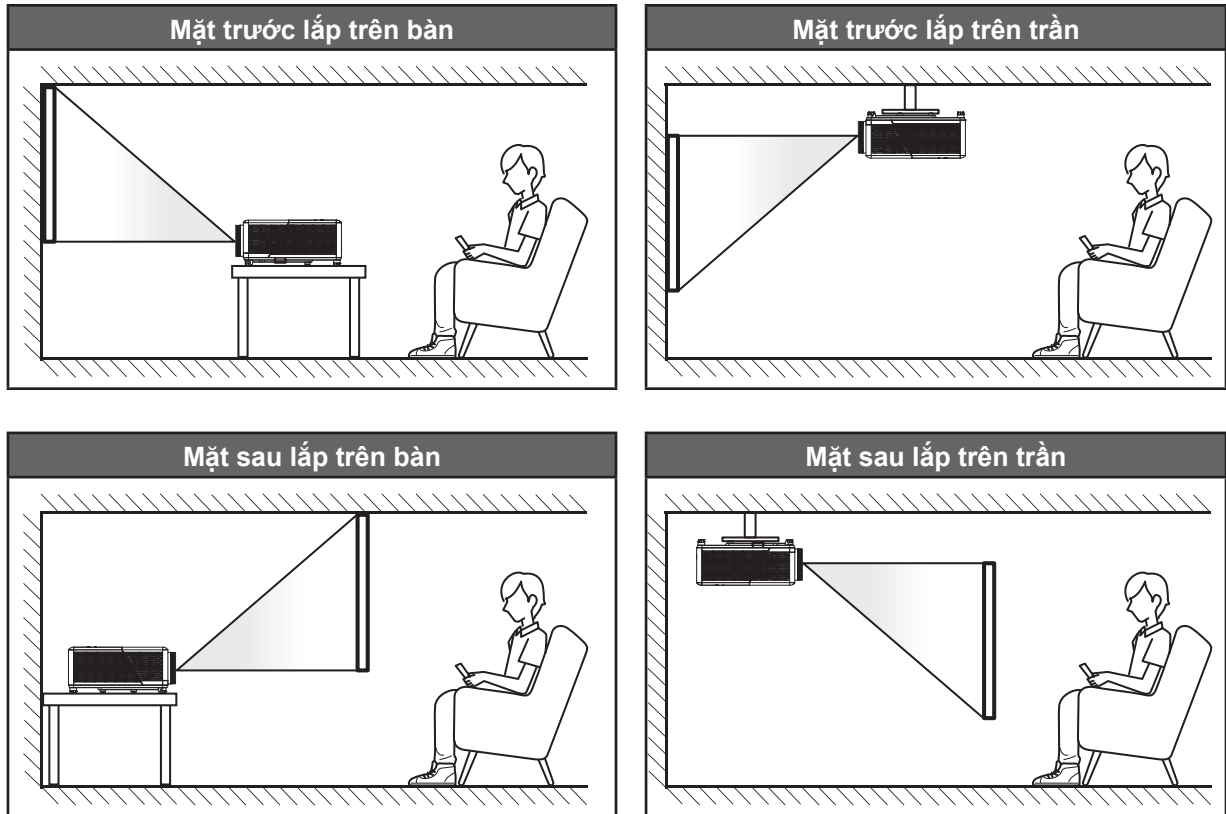
- Điều khiển từ xa thực tế có thể khác nhau tùy theo từng khu vực.
- Một số phím có thể không có chức năng cho những mẫu máy không hỗ trợ các tính năng này.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Lắp đặt máy chiếu

Máy chiếu của bạn được thiết kế để lắp đặt tại một trong bốn vị trí khả dụng.

Cách bố trí phòng hoặc sở thích riêng sẽ quyết định địa điểm nào bạn cần chọn. Xem xét đến kích thước và vị trí màn hình, vị trí ổ cắm điện thích hợp, cũng như địa điểm và khoảng cách giữa máy chiếu và các trang thiết bị còn lại.



Phải đặt máy chiếu bằng phẳng trên bề mặt với một góc 90 độ và vuông góc với màn hình.

- Để xác định địa điểm lắp máy chiếu theo kích thước màn hình có sẵn, hãy tham khảo bảng khoảng cách ở trang 45.
- Để xác định kích thước màn hình theo khoảng cách có sẵn, hãy tham khảo bảng khoảng cách ở trang 45.

Lưu ý: Máy chiếu đặt càng xa màn hình thì kích thước hình chiếu càng tăng và độ bù chiều dọc cũng tăng theo tỷ lệ.

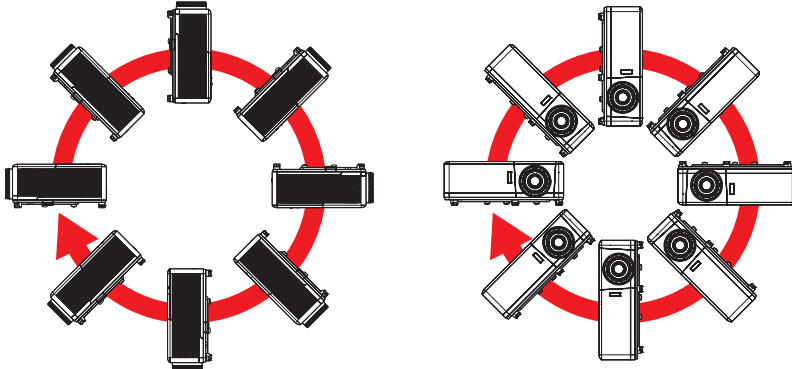
QUAN TRỌNG!

Không đặt máy chiếu theo bất kỳ hướng nào khác ngoài trên mặt bàn, treo trần hoặc hướng chiếu tự do 360° liệt kê dưới đây. Nên đặt máy chiếu nằm ngang và không được đặt nghiêng về phía trước/sau hoặc sang trái/phải. Bất kỳ hướng nào khác sẽ làm mất hiệu lực bảo hành và có thể rút ngắn tuổi thọ của máy chiếu. Để được tư vấn cách lắp đặt không quy chuẩn, xin liên hệ với Optoma.

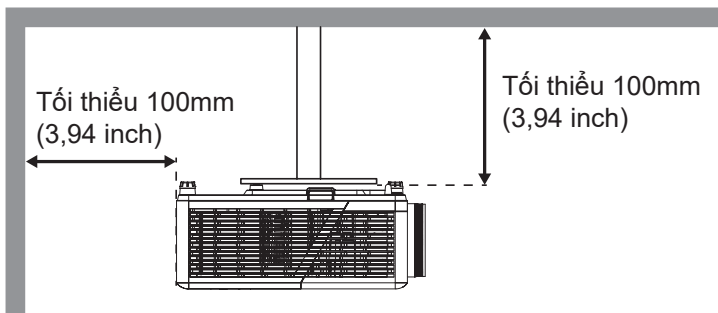
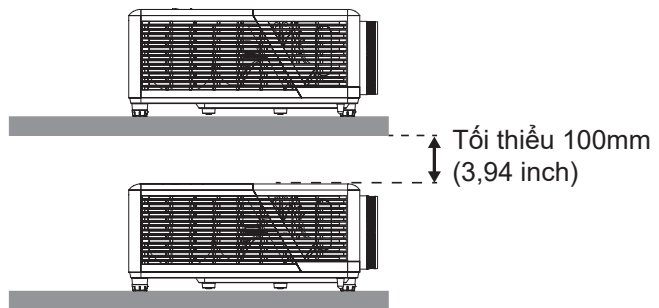
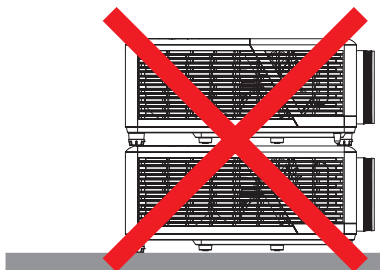
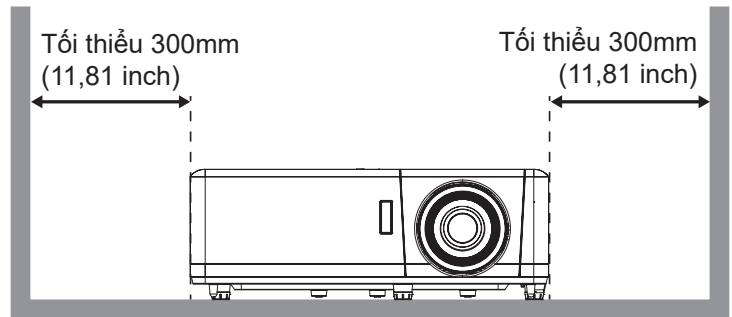
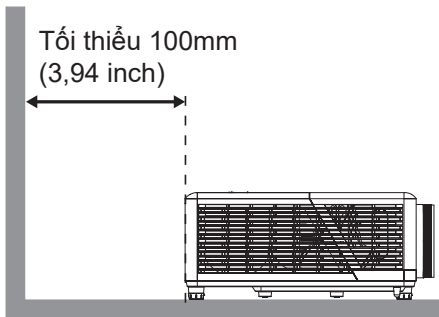
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Lưu ý lắp đặt máy chiếu

- Hướng chiếu tự do 360°



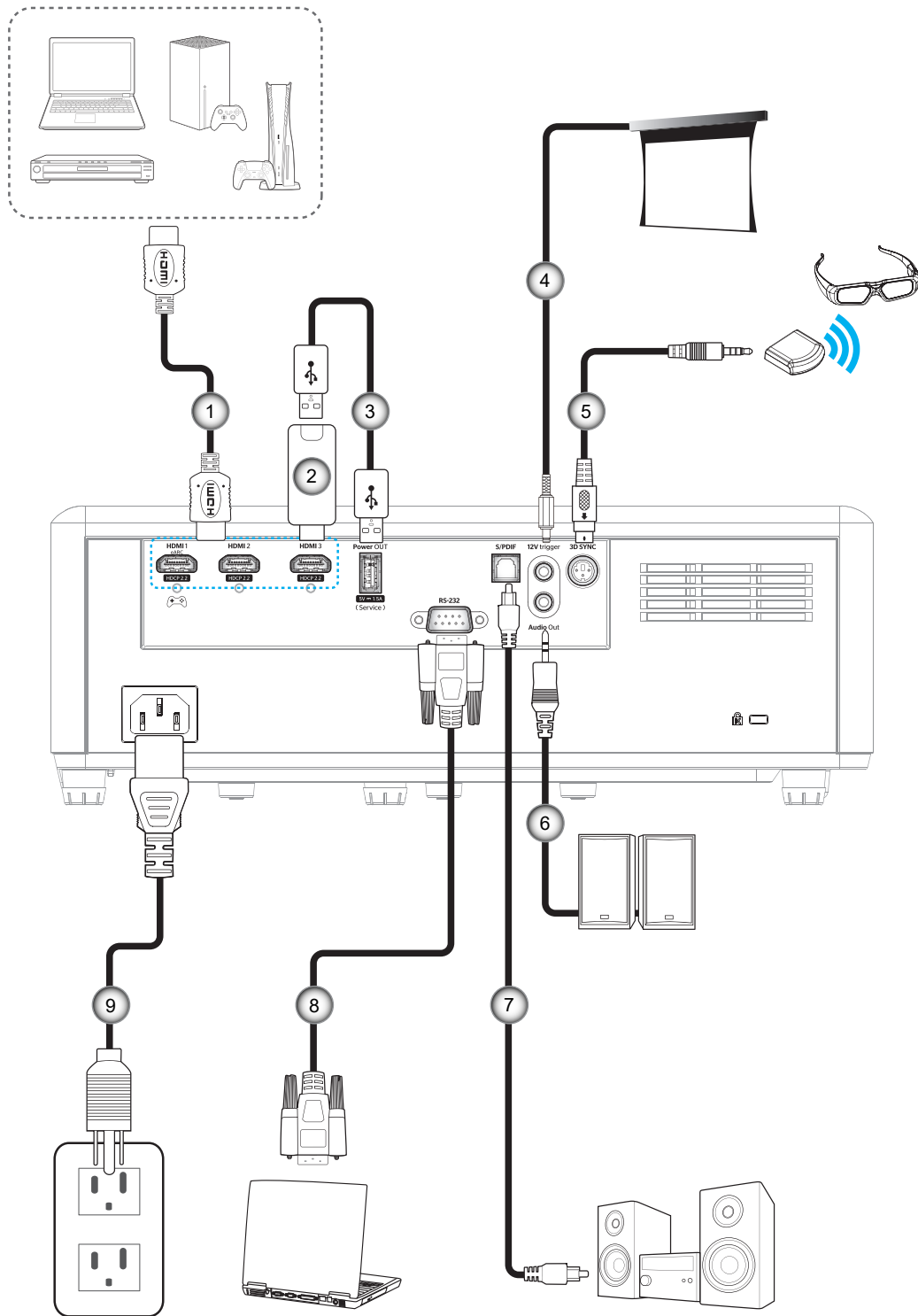
- Để khoảng trống tối thiểu 30 cm xung quanh quạt xả khí.



- Đảm bảo quạt hút khí không tái sử dụng khí nóng từ quạt xả khí.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian khép kín, đảm bảo nhiệt độ không khí xung quanh trong khu vực khép kín này không vượt quá nhiệt độ hoạt động khi máy chiếu đang chạy, và các lỗ hút khí và xả khí phải luôn thông suốt.
- Mọi khu vực khép kín phải vượt qua quy trình đánh giá về nhiệt được chứng nhận để đảm bảo máy chiếu không tái sử dụng khí thải vì điều này có thể khiến cho thiết bị ngưng hoạt động dù nhiệt độ xung quanh nằm trong phạm vi nhiệt độ hoạt động chấp nhận.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu



STT	Mục
1.	Cáp HDMI
2.	Thiết bị phát tín hiệu HDMI
3.	Cáp nguồn USB

STT	Mục
4.	Giắc cắm điện DC 12V
5.	Cáp bộ phát 3D
6.	Cáp đầu ra âm thanh

STT	Mục
7.	Cáp đầu ra S/PDIF
8.	Cáp RS-232
9.	Dây nguồn

Lưu ý: Để đảm bảo chất lượng hình ảnh tốt nhất và tránh các lỗi kết nối, bạn nên sử dụng các loại cáp HDMI Cao Cấp. Với dây cáp dài hơn 20-25 feet, chúng tôi khuyến nghị nên dùng cáp Active Fiber HDMI.

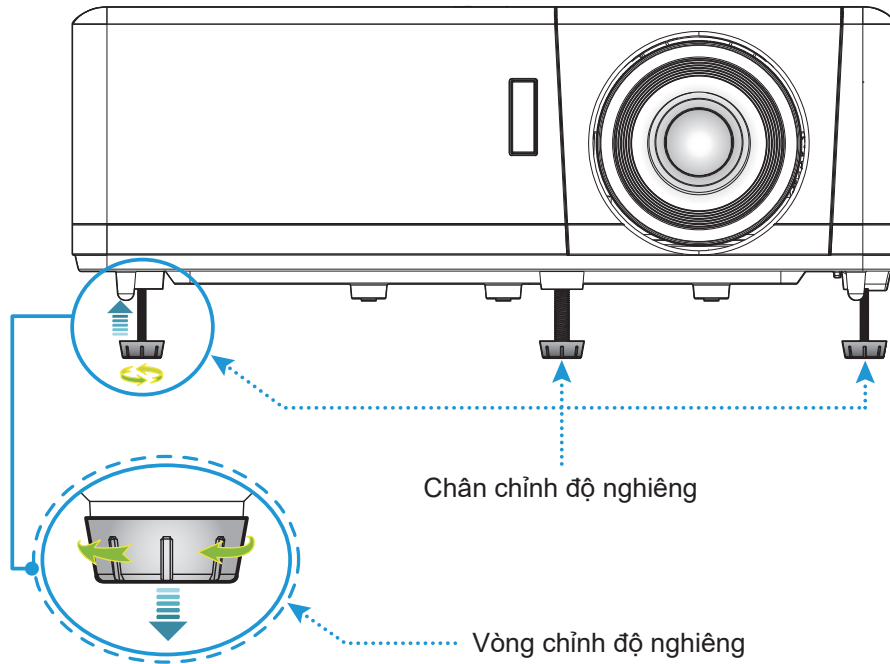
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Điều chỉnh Hình ảnh chiếu

Chiều cao hình

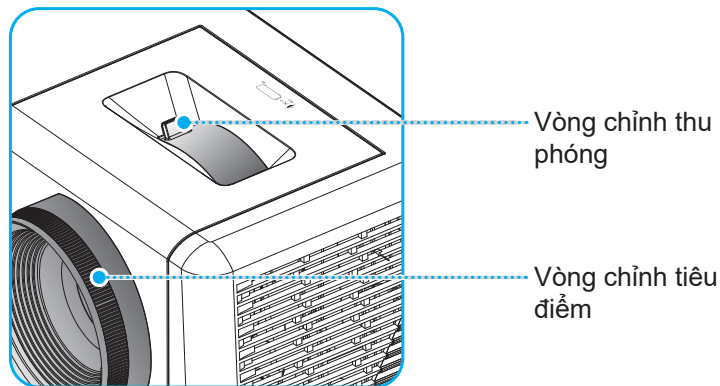
Máy chiếu được trang bị chân nâng để điều chỉnh độ cao của hình ảnh.

1. Xác định bánh điều chỉnh bạn muốn chỉnh ở mặt dưới máy chiếu.
2. Vận bánh chân đế tùy chỉnh theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để nâng hoặc hạ máy chiếu.



Thu phóng và lấy nét

- Để chỉnh cỡ hình, hãy xoay vòng chỉnh thu phóng theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để tăng hoặc giảm kích thước hình chiếu.
- Để chỉnh lấy nét, xoay vòng lấy nét theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi hình chiếu sắc nét và rõ ràng.



Lưu ý: Máy chiếu sẽ lấy nét ở khoảng cách từ 1,2m - 9,9m.

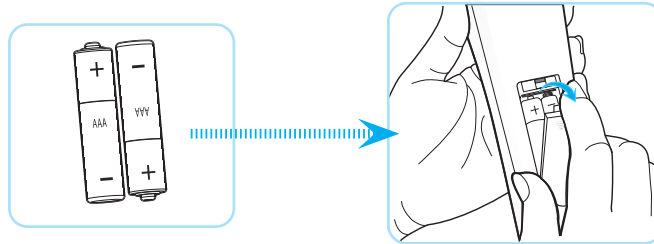
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Thiết lập điều khiển từ xa

Lắp đặt/thay thế pin cho điều khiển từ xa

Hai cục pin cỡ AAA được kèm theo điều khiển từ xa.

1. Tháo nắp đậy pin ở mặt sau điều khiển từ xa.
2. Lắp các cục pin AAA vào khoang chứa pin như hình minh họa.
3. Lắp lại nắp đậy phía sau vào điều khiển từ xa.



Lưu ý: Chỉ nên thay mới bằng loại pin giống nhau hoặc tương đương.

CHÚ Ý

Sử dụng pin không thích hợp có thể gây ra rò rỉ hóa chất hoặc cháy nổ. Đảm bảo thực hiện theo các hướng dẫn bên dưới.

- Không được kết hợp với loại pin khác. Loại pin khác nhau có những đặc điểm khác nhau.
- Không được kết hợp pin cũ với pin mới. Kết hợp pin cũ với pin mới có thể rút ngắn tuổi thọ pin mới hoặc gây rò rỉ hóa chất ở pin cũ.
- Tháo pin ra ngay khi chúng bị cạn kiệt. Hóa chất rò rỉ từ pin tiếp xúc với da có thể gây mẩn ngứa. Nếu bạn phát hiện có bất kỳ rò rỉ hóa chất nào, hãy lau kỹ bằng khăn.
- Pin kèm theo sản phẩm này có thể có tuổi thọ dự kiến ngắn hơn do các điều kiện bảo quản.
- Nếu bạn không sử dụng điều khiển từ xa trong thời gian dài, hãy tháo pin ra.
- Khi thải bỏ pin, bạn phải tuân thủ luật pháp tại khu vực hoặc quốc gia liên quan.

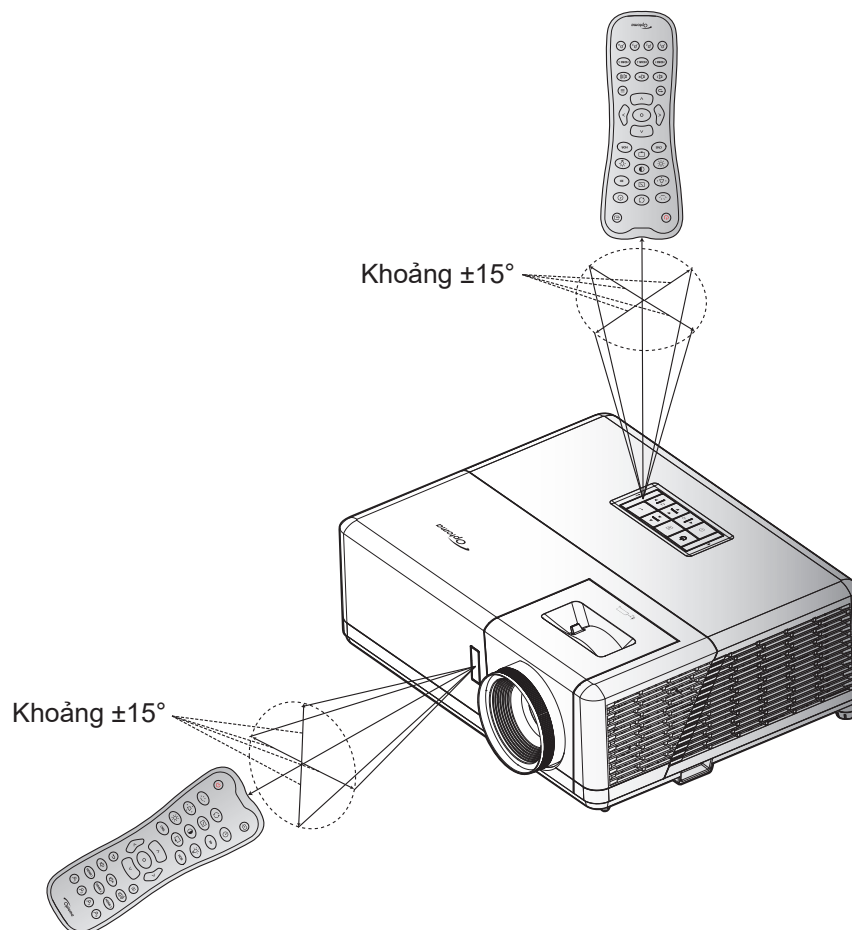
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Phạm vi hoạt động

Cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại (IR) nằm ở trên đỉnh máy chiếu. Đảm bảo giữ điều khiển từ xa ở một góc 30 độ vuông góc với cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại ở phía trước hoặc trên máy chiếu để hoạt động thích hợp. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không được xa hơn 6 mét (khoảng 19 feet).

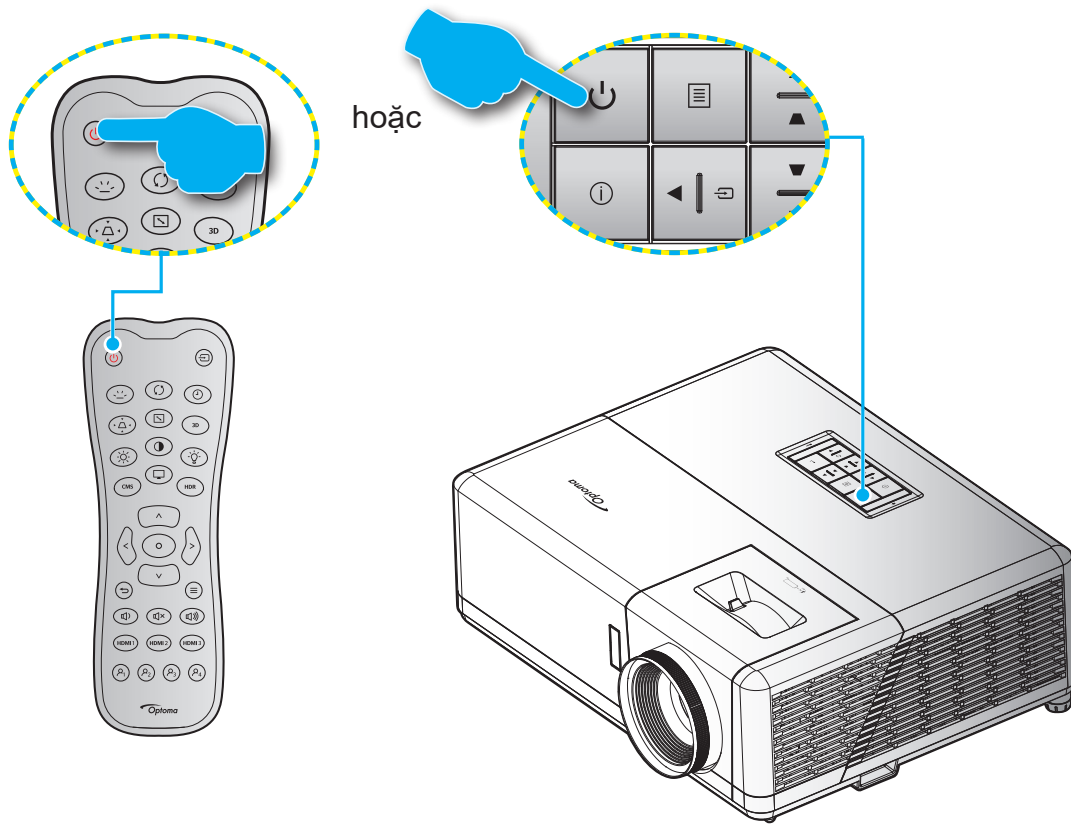
Lưu ý: Khi trỏ điều khiển từ xa trực tiếp (một góc 0 độ) vào cảm biến IR, khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không dài hơn 8 mét (khoảng 26 feet).

- Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và cảm biến IR trên máy chiếu vốn có thể cản trở chùm tia hồng ngoại.
- Đảm bảo bộ truyền phát IR trên điều khiển từ xa không bị ánh sáng mặt trời hoặc đèn huỳnh quang chiếu trực tiếp vào.
- Hãy giữ điều khiển từ xa cách đèn huỳnh quang tối thiểu 2 mét, nếu không, điều khiển từ xa có thể bị hỏng.
- Nếu điều khiển từ xa ở gần đèn huỳnh quang Loại biến tần, điều khiển từ xa có thể thỉnh thoảng không hoạt động.
- Nếu điều khiển từ xa và máy chiếu ở gần nhau quá, điều khiển từ xa có thể không hoạt động.
- Khi nhắm vào màn hình, khoảng cách hiệu quả ngắn hơn 7 mét so từ điều khiển từ xa đến màn hình và phản chiếu các tia hồng ngoại trở lại máy chiếu. Tuy nhiên, phạm vi hoạt động có thể thay đổi theo các màn hình.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Bật/tắt nguồn máy chiếu




Bật nguồn

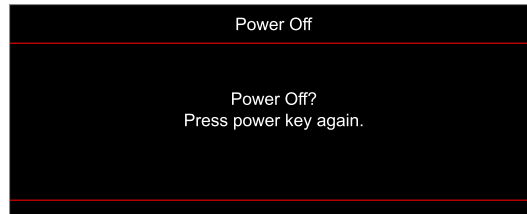
1. Cắm chặt dây nguồn và cáp tín hiệu/cáp nguồn. Khi đã kết nối, đèn LED Bật/Chờ sẽ chuyển sang màu đỏ.
2. Bật máy chiếu bằng cách nhấn nút "⏻" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.
3. Màn hình khởi động sẽ hiển thị trong khoảng 10 giây và đèn LED Bật/Chờ sẽ nhấp nháy màu xanh lam.




Lưu ý: Lần đầu bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc chọn ngôn ngữ ưu tiên, Vị trí chiếu và các cài đặt khác.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tắt nguồn


1. Tắt máy chiếu bằng cách nhấn nút “” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.
2. Thông báo sau đây sẽ hiển thị:

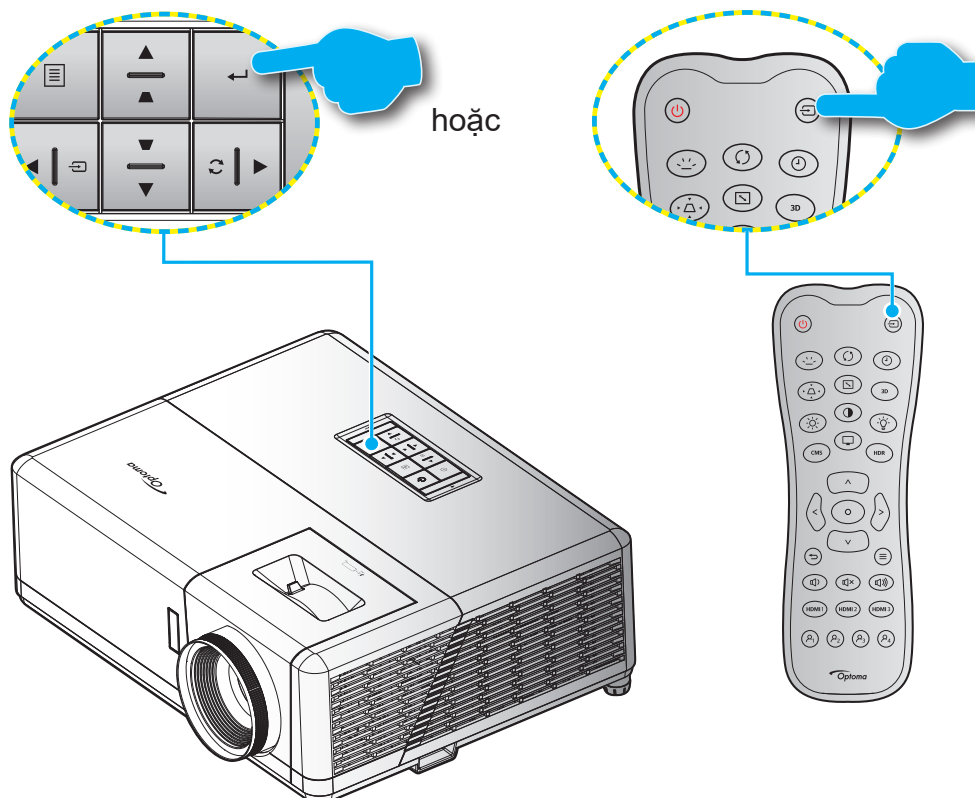


3. Nhấn lại nút “” để xác nhận, nếu không thông báo đó sẽ biến mất sau 15 giây. Khi bạn nhấn nút “” trong một giây, máy chiếu sẽ tắt.
4. Các quạt làm nguội tiếp tục hoạt động trong khoảng 10 giây theo chu trình làm nguội và đèn LED BẬT/Chờ sẽ nhấp nháy màu xanh lam. Khi đèn LED BẬT/Chờ sáng một màu đỏ, điều này cho biết máy chiếu đã vào chế độ chờ. Nếu muốn bật máy chiếu trở lại, bạn phải chờ cho đến khi hoàn tất chu trình làm nguội và máy chiếu đã vào chế độ chờ. Khi máy chiếu ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn lại nút “” để bật máy chiếu.
5. Rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và máy chiếu.

Lưu ý: Bạn không được bật máy chiếu ngay sau quy trình tắt nguồn.

Chọn nguồn vào

Bật nguồn tín hiệu vừa kết nối mà bạn muốn hiển thị trên màn hình, như máy vi tính, máy tính xách tay, đầu xem video, v.v.... Máy chiếu sẽ tự dò tìm nguồn tín hiệu. Nếu có nhiều nguồn tín hiệu được kết nối, nhấn nút “” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa để chọn đầu vào mong muốn.

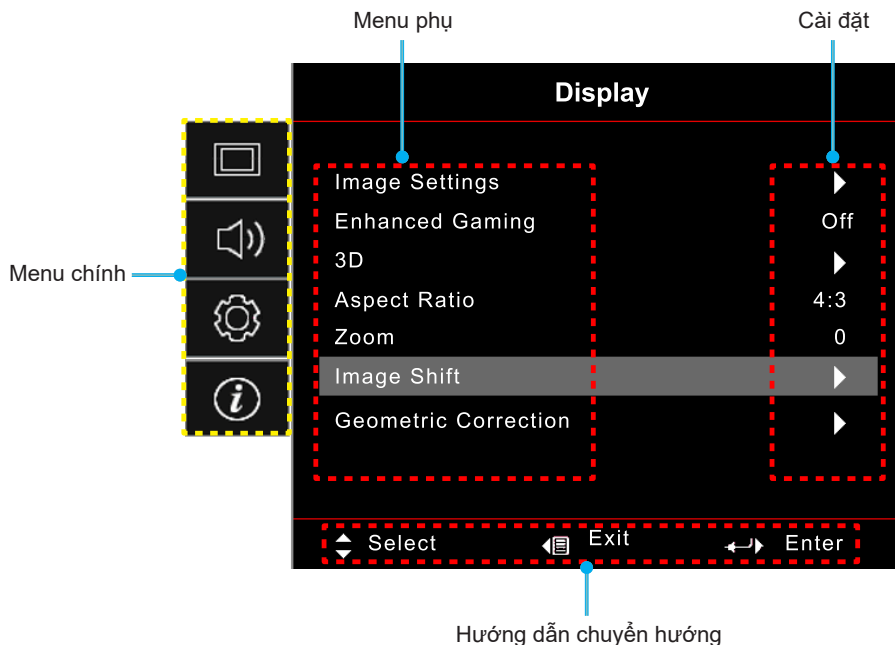


SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu cài đặt máy chiếu (OSD)

Nhấn nút "☰" trên điều khiển từ xa, chọn menu OSD "⊞" để xem lại thông tin của máy chiếu hoặc quản lý các cài đặt khác nhau liên quan đến hình ảnh, hiển thị, 3D, âm thanh và cài đặt.

Điều hướng menu chung



1. Khi menu OSD hiển thị, hãy sử dụng các nút điều hướng "**Lên**" hoặc "**Xuống**" để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Sau khi lựa chọn một trang, nhấn nút "**←**" trên bàn phím hoặc "**⊞**" trên điều khiển từ xa để vào menu phụ.
2. Nhấn nút "**Trái**" và "**Phải**" để chọn mục menu mong muốn. Sau đó nhấn nút "**←**" trên bàn phím hoặc "**⊞**" trên điều khiển từ xa để mở menu phụ.
3. Nhấn nút "**Trên**" và "**Dưới**" để chọn mục mong muốn trong menu phụ.
4. Nhấn nút "**←**" trên bàn phím hoặc "**⊞**" trên điều khiển từ xa để bật hoặc tắt cài đặt hoặc nhấn nút "**Trái**" và "**Phải**" để điều chỉnh giá trị.
5. Chọn mục cần điều chỉnh tiếp theo trong menu phụ và sửa đổi như mô tả ở trên.
6. Để thoát, nhấn "**↶**" (nhiều lần nếu cần). Menu OSD sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Sơ đồ menu OSD







Lưu ý: Các mục và tính năng sơ đồ menu OSD tùy thuộc vào mẫu và khu vực. Optoma bảo lưu quyền thêm hoặc bỏ mục để cải thiện hiệu năng của sản phẩm mà không cần báo trước.

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị	
Display (Hiển thị)	Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Display Mode (Chế độ hiển thị)	[Dữ liệu] Mode (Chế độ)		Cinema (Rạp chiếu)	
					HDR	
					HLG	
					HDR SIM.	
					Game (Trò chơi)	
					Reference (Tham khảo)	
					Bright (Sáng)	
					User (Người sử dụng)	
				3D		
				Cinema (Rạp chiếu)		
				Film (Phim)		
				HDR		
				HLG		
				HDR SIM.		
				Game (Trò chơi)		
				Reference (Tham khảo)		
			Bright (Sáng)			
			User (Người sử dụng)			
			3D			
			ISF Day (ISF ngày)			
			ISF Night (ISF đêm)			
			ISF 3D			
			Wall Color		Off (Tắt) (Mặc định)	
					Blackboard (Bảng đen)	
					Light Yellow	
					Light Green	
					Light Blue	
					Pink	
			Dynamic Range (Dải động)	HDR/HLG		Off (Tắt)
						Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]
				HDR Picture Mode (Chế độ hình HDR)		Bright (Sáng)
						Standard (Tiêu chuẩn) [Chế độ mặc định]
		Film (Phim)				
	HLG Picture Mode (Chế độ hình HLG)			Detail (Chi tiết)		
				Bright (Sáng)		
				Standard (Tiêu chuẩn) [Chế độ mặc định]		
				Film (Phim)		
				Detail (Chi tiết)		
		HDR Brightness (Độ sáng HDR)		0 ~ 10		

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị				
Display (Hiển thị)	Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Brightness (Độ sáng)			-50 ~ 50				
		Contrast (Độ tương phản)			-50 ~ 50				
		Sharpness (Độ sắc nét)			1 ~ 15				
		Color (Màu sắc)			-50 ~ 50				
		Tint (Sắc thái)			-50 ~ 50				
		Gamma	Gamma	Film (Phim)					
				Video					
				Graphics (Đồ họa)					
				Standard(2.2) (Tiêu chuẩn(2.2))					
				1,8					
				2,0					
				2,4					
		Color Settings (Cài đặt màu sắc)	Color Settings (Cài đặt màu sắc)	BrilliantColor™			1 ~ 10		
				Color Temp. (Mức độ màu)			Warm (Ấm)		
							Standard (Tiêu chuẩn)		
							Cool (Mát)		
							Cold (Lạnh)		
				Color Matching (Tinh chỉnh màu)	Color Matching (Tinh chỉnh màu)	Color (Màu sắc)			Red (Đỏ) [Chế độ mặc định]
									Green (Lục)
									Blue (Lam)
									Cyan (Xanh ngọc)
									Yellow (Vàng)
									Magenta (Đỏ thẫm)
									White (Trắng)(*)
						Hue (Màu sắc) /R(*)			-50 ~ 50 [Chế độ mặc định:0]
						Saturation (Độ bão hòa) /G(*)			-50 ~ 50 [Chế độ mặc định:0]
						Gain (Tăng cường) /B(*)			-50 ~ 50 [Chế độ mặc định:0]
				Reset (Thiết lập lại)			Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định]		
							Yes (Có)		
				Exit (Thoát)					
				RGB Gain/Bias (Tăng cường/Lệch RGB)	RGB Gain/Bias (Tăng cường/Lệch RGB)	Red Gain (Tăng sắc đỏ)			-50 ~ 50
						Green Gain (Tăng sắc lục)			-50 ~ 50
		Blue Gain (Tăng lam)					-50 ~ 50		
		Red Bias (Độ lệch sắc đỏ)					-50 ~ 50		
		Green Bias (Độ lệch sắc lục)					-50 ~ 50		
		Blue Bias (Độ lệch sắc lam)					-50 ~ 50		
		Reset (Thiết lập lại)					Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định]		
							Yes (Có)		
		Exit (Thoát)							
		Color Space (Không gian màu)	Color Space (Không gian màu)	[Không phải Đầu vào HDMI]			Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]		
					RGB				
					YUV				
[Đầu vào HDMI]					Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]				
					RGB (0-255)				
					RGB (16-235)				
			YUV						






SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị			
Display (Hiển thị)	Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Brightness Mode (Chế độ sáng)			DynamicBlack (Mức đen động)			
					Eco.			
					Constant Power (Năng lượng không đổi) Power (Nguồn) = 100%/95%/90%/85%/80%/75%/70%/65%/60%/55%/50%			
			Reset (Thiết lập lại)			Constant Luminance (Độ sáng không đổi) Power(Nguồn)=85%/80%/75%/70%		
	Enhanced Gaming (Trò chơi nâng cao)					Off (Tắt)		
						On (Bật)		
	3D	3D Mode (Chế độ 3D)				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]		
						On (Bật)		
		3D Sync Invert (Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D)				On (Bật)		
					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]			
	Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)					4:3		
						16:9		
						21:9		
						32:9		
						V-Stretch (ngoại trừ mẫu SVGA XGA)		
						Full screen (Toàn màn hình)		
	Zoom(Thuphóng)					Auto (Tự động)		
	Image Shift (Dịch chuyển hình ảnh)	H (Ngang) 				-100 ~ 100 [Chế độ mặc định:0]		
			V 			-100 ~ 100 [Chế độ mặc định:0]		
	Geometric Correction (Hiệu chỉnh hình học)	Four Corners	H Keystone (Chỉnh vuông ngang)					
							-30 ~ 30 [Chế độ mặc định:0]	
				V Keystone (Chỉnh hình chiều dọc)				-30 ~ 30 [Chế độ mặc định:0]
					Auto V Keystone (Tự động chỉnh vuông hình dọc)			
				3x3 Warp (Cong 3x3)				
	Reset (Thiết lập lại)							
	Audio (Âm thanh)	Audio Mode (Chế độ âm thanh)				Speaker/ Audio Out (Loa / Đầu ra âm thanh) [Chế độ mặc định]		
					SPDIF/ eARC			
Mute (Tắt tiếng)					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]			
Volume(Âm lượng)					On (Bật)			
					0 ~ 10 [Chế độ mặc định:5]			
Setup (Cài Đặt)	Projection (Trình chiếu)				Phía trước  [Chế độ mặc định]			
					Phản phía sau 			
					Trên-phía trên 			
					Phía sau-phía trên 			

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị	
Setup (Cài Đặt)	Power Settings (Điều chỉnh nguồn)	Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
					On (Bật)	
		Signal Power On (Bật nguồn điện)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
					On (Bật)	
		Auto Power Off (min) (Tắt nguồn (phút))			0 ~ 180 (tăng thêm 5 phút) [Mặc định: 20]	
		Sleep Timer (min) (Hẹn giờ ngủ (phút))	Always On (Luôn Bật)			0 ~ 990 (tăng thêm 30 phút) [Mặc định: 0]
						No (Không) [Chế độ mặc định]
	Power Mode (Standby) (Chế độ nguồn (Chờ))				Yes (Có)	
					Active (Tích cực)	
	USB Power (Standby) (Nguồn USB (Chế độ chờ))				Eco. [Chế độ mặc định]	
					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
	Security (Bảo mật)	Security (Bảo mật)				Off (Tắt)
						On (Bật)
			Security Timer (Bộ đếm thời gian an toàn)	Month (Tháng)		
		Day (Ngày)				
	Hour (Giờ)					
	Change Password (Đổi mật khẩu)					[Mặc định:1234]
	HDMI Link Settings (Thiết lập liên kết HDMI)	HDMI Link (Liên kết HDMI)				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
		Inclusive of TV (Bao gồm TV)				No (Không) [Chế độ mặc định]
						Yes (Có)
		Power On Link (Liên kết cho bật nguồn)				Mutual (Liên kết tương hỗ) [Chế độ mặc định]
					PJ-->Device (Máy chiếu->Thiết bị)	
	Power Off Link (Liên kết cho tắt nguồn)				Device-->PJ (Thiết bị->Máy chiếu)	
					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
	Test Pattern (Mẫu thử)					On (Bật)
						Green Grid (Khung lưới xanh)
						Magenta Grid (Khung lưới đỏ thẫm)
						White Grid (Khung lưới trắng)
						White (Trắng)
	Remote Settings (Thiết lập điều khiển)	IR Function (Chức năng IR)				Off (Tắt)
						On (Bật) [Chế độ mặc định]
Projector ID (Mã nhận dạng (ID))					Off (Tắt)	
12V Trigger (Bộ khởi động 12V)					00 ~ 99	
					On (Bật)	
					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị	
Setup (Cài Đặt)	Options (Lựa chọn)	Language (Ngôn ngữ)			English [Chế độ mặc định]	
					Deutsch	
					Français	
					Italiano	
					Español	
					Português	
					繁體中文	
					簡體中文	
					日本語	
					한국어	
				Русский		
			Menu Settings (Tùy chỉnh Menu)	Menu Location (Vị trí thực đơn)		Trái trên 
					Phải trên 	
					Giữa  [Chế độ mặc định]	
					Trái dưới 	
					Phải dưới 	
			Menu Timer (Đồng hồ menu)		Off (Tắt)	
				5sec (5 giây)		
					10sec (10 giây) [Chế độ mặc định]	
			Auto Source (Dò nguồn tự động)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
			Input Source (Nguồn tín hiệu vào)			HDMI1
						HDMI2
						HDMI3
			InputName(Nhập tên)		HDMI1	Default (Chế độ mặc định) [Chế độ mặc định] / Custom (Tùy chỉnh)
					HDMI2	Default (Chế độ mặc định) [Chế độ mặc định] / Custom (Tùy chỉnh)
					HDMI3	Default (Chế độ mặc định) [Chế độ mặc định] / Custom (Tùy chỉnh)
			High Altitude (Điều chỉnh tốc độ quạt)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
			Display Mode Lock (Khóa chế độ hiển thị)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
			Keypad Lock (Khóa bàn phím)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
	Information Hide (Ẩn thông tin)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]		
				On (Bật)		
	Logo (Biểu tượng)			Default (Chế độ mặc định) [Chế độ mặc định]		
				Neutral (Trung lập)		

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị	
Setup (Cài Đặt)	Options (Lựa chọn)	Background Color(Màu nền)			None (Không) [Mặc định cho Video/Pro-AV]	
					Blue (Lam) [Mặc định cho Mẫu dữ liệu]	
					Red (Đỏ)	
					Green (Lục)	
					Gray (Mức xám)	
	Reset (Thiết lập lại)	Reset OSD (Cài đặt OSD)				Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định]
						Yes (Có)
	Reset to Default (Cài đặt mặc định)				Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định]	
					Yes (Có)	
Info. (Thông tin)	Regulatory (Điều khiển)					
	Serial Number (Số Seri)					
	Source (Nguồn)					
	Resolution (Độ phân giải)				00x00	
	Refresh Rate (Tần lệ làm mới)				0,00Hz	
	Display Mode (Chế độ hiển thị)					
	Projector ID (Mã nhận dạng (ID))				00~99	
	Brightness Mode (Chế độ sáng)					
	FW Version (Phiên bản FW)	System (Hệ thống)				
		MCU				

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu hiển thị

Menu Cài đặt hình

Display Mode (Chế độ hiển thị)

Bạn có thể chọn một vài chế độ hiển thị được định sẵn để có hình ảnh phù hợp với bạn. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt cho nhiều loại nội dung đa dạng.

- **Cinema (Rạp chiếu)/Film (Phim):** Đem đến cân bằng hoàn hảo nhất giữa chi tiết và màu sắc khi xem phim.
- **HDR:** Đem đến màu sắc chân thực, vượt xa khả năng hiển thị màu của các chế độ hiển thị khác. Chế độ này mã hóa và hiển thị nội dung Dải Tương Phản Động Rộng (HDR) đối với các màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu REC.2020.
Lưu ý: Chế độ này sẽ tự động được bật nếu HDR được đặt thành Bật (và nội dung HDR được gửi đến máy chiếu - 4K UHD Blu-ray, trò chơi 1080p / 4K UHD HDR, video phát trực tuyến 4K UHD). Khi chế độ HDR đang hoạt động, tất cả các chế độ hiển thị khác sẽ bị xám mờ.
- **HLG:** Đem đến màu sắc chân thực, vượt xa khả năng hiển thị màu của các chế độ hiển thị khác. Chế độ này mã hóa và hiển thị nội dung Hybrid Log Gamma (HLG) cho màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu REC.2020.
Lưu ý:
 - Chế độ này sẽ được bật tự động nếu như HDR được chuyển sang Tự động (và nội dung HLG được truyền tới máy chiếu). Khi chế độ HLG đang hoạt động, tất cả các chế độ hiển thị khác sẽ bị xám mờ.
 - Chỉ HDMI1 và HDMI2 hỗ trợ HLG.
- **HDR SIM.:** Nâng cao nội dung không phải HDR với Dải Tương Phản Động Rộng được mô phỏng (HDR). Chọn chế độ này để nâng cao gamma, độ tương phản và độ bão hòa màu cho nội dung không phải HDR (Truyền phát/Truyền hình cáp 720p và 1080p, 1080p Blu-ray, game không phải HDR, v.v...).
Lưu ý: Chế độ này CHỈ có thể được sử dụng với nội dung không phải HDR.
- **Game (Trò chơi):** Tối ưu hóa máy chiếu của bạn để có độ tương phản tối đa và màu sắc rực rỡ, để bạn có thể nhìn thấy chi tiết bóng khi chơi game.
Lưu ý: Không thể dùng chế độ hiển thị này khi xem video nội dung HDR hoặc chơi game HDR. Để bật độ trễ đầu vào thấp, hãy đảm bảo rằng PC hoặc máy chơi game của bạn kết nối qua HDMI1 và bật Chế độ chơi game nâng cao.
- **Reference (Tham khảo):** Chế độ này tái tạo màu sắc hình ảnh theo sát ý tưởng mà đạo diễn phim mong muốn nhất. Các cài đặt màu, mức độ màu, độ sáng, độ tương phản và gamma đều được định cấu hình theo gam màu Rec.709. Chọn chế độ này để có được màu sắc chuẩn xác nhất để xem phim.
- **Bright (Sáng):** Chế độ này phù hợp cho môi trường mà cần có mức sáng rất cao, như dùng máy chiếu trong căn phòng nhiều ánh sáng.
- **User (Người sử dụng):** Ghi nhớ cài đặt do người dùng đặt, điều chỉnh cài đặt chế độ hiển thị cho riêng bạn.
- **3D:** Các cài đặt được tối ưu để xem nội dung 3D.
Lưu ý: Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính tương thích DLP Link 3D. Xem phần 3D để có thêm thông tin.
- **ISF Day (ISF ngày):** Lưu lại các cài đặt hình ảnh đã được tinh chỉnh chuyên nghiệp, tối ưu để xem ban ngày.
- **ISF Night (ISF đêm):** Lưu lại các cài đặt hình ảnh đã được tinh chỉnh chuyên nghiệp, tối ưu để xem lúc tối.
- **ISF 3D:** Lưu lại các cài đặt hình ảnh đã được tinh chỉnh chuyên nghiệp, tối ưu để xem bằng 3D.

Lưu ý:

- Chế độ ISF chỉ khả dụng ở chế độ Video.
- Nếu đã bật HDR hoặc HLG, các tùy chọn Điện ảnh, Game, Tham chiếu và Sáng sẽ chuyển sang màu xám.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Wall Color

Được thiết kế để điều chỉnh màu của hình ảnh được trình chiếu lên tường mà không có tấm nền. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt. Bạn có thể chọn một vài chế độ được định sẵn để có hình ảnh phù hợp màu tường của bạn. Chọn giữa Off (Tắt), Blackboard (Bảng đen), Light Yellow, Light Green, Light Blue, Pink, và Gray (Mức xám).

Lưu ý: Để có màu sắc chính xác, chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng màn chiếu.

Dynamic Range (Dải động)

Định cấu hình cài đặt Dải Động Cao (HDR) và hiệu ứng liên quan khi hiển thị video từ đầu đĩa Blu-ray 4K và thiết bị truyền video.

► HDR/HLG

- **Off (Tắt):** Tắt tiến trình xử lý HDR hoặc HLG. Khi đã cài sang Tắt, máy chiếu sẽ KHÔNG giải mã nội dung HDR hoặc HLG.
- **Auto (Tự động):** Tự động phát hiện tín hiệu HDR.

► HDR Picture Mode (Chế độ hình HDR)

- **Bright (Sáng):** Chọn chế độ này để màu sắc sáng và bão hòa hơn.
- **Standard (Tiêu chuẩn):** Chọn chế độ này cho các màu trông tự nhiên với sự cân bằng của các tông màu ấm và nguội.
- **Film (Phim):** Chọn chế độ này để cải thiện chi tiết và độ sắc nét hình ảnh.
- **Detail (Chi tiết):** Tín hiệu đến từ việc chuyển đổi OETF để đạt độ phối màu tối ưu và mức độ chi tiết cao nhất.

► HLG Picture Mode (Chế độ hình HLG)

- **Bright (Sáng):** Chọn chế độ này để màu sắc sáng và bão hòa hơn.
- **Standard (Tiêu chuẩn):** Chọn chế độ này cho các màu trông tự nhiên với sự cân bằng của các tông màu ấm và nguội.
- **Film (Phim):** Chọn chế độ này để cải thiện chi tiết và độ sắc nét hình ảnh.
- **Detail (Chi tiết):** Tín hiệu đến từ việc chuyển đổi OETF để đạt độ phối màu tối ưu và mức độ chi tiết cao nhất.

► HDR Brightness (Độ sáng HDR)

- Điều chỉnh độ sáng của Nội dung HDR. Tác động của cài đặt này sẽ khác biệt tùy theo nội dung. Điều chỉnh cài đặt này tới mức gần tối đa hoặc tối đa có thể làm mất chi tiết hình ảnh (tùy theo nội dung).

Brightness (Độ sáng)

Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

Contrast (Độ tương phản)

Độ tương phản điều chỉnh mức độ khác nhau giữa các phần sáng nhất và tối nhất của hình.

Sharpness (Độ sắc nét)

Điều chỉnh độ sắc nét hình ảnh.

Color (Màu sắc)

Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.

Tint (Sắc thái)

Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.

Gamma

Cài đặt dạng cong gamma. Sau khi hoàn thành thiết lập ban đầu và tinh chỉnh, hãy sử dụng các bước Điều chỉnh gamma để tối ưu hóa đầu ra hình ảnh của bạn.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- **Film (Phim):** Cho nhà hát tại gia.
- **Video:** Cho nguồn video hoặc TV.
- **Graphics (Đồ họa):** Cho nguồn PC/Ảnh.
- **Standard(2.2) (Tiêu chuẩn(2.2)):** Cho cài đặt chuẩn hóa.
- **1.8 / 2.0 / 2.4:** Cho nguồn PC/Ảnh cụ thể. 2.4 cũng có thể được dùng cho nội dung video và các game để đạt độ tương phản sâu hơn.

Lưu ý: Các tùy chọn này chỉ có sẵn khi chức năng chế độ 3D đang tắt.

Color Settings (Cài đặt màu sắc)

Định cấu hình cài đặt màu sắc.

- **BrilliantColor™:** Mục có thể điều chỉnh này sử dụng thuật toán xử lý màu và tăng cường để cho độ sáng cao hơn mà vẫn tạo ra màu sắc sống động, trung thực trong hình ảnh.
- **Color Temp. (Mức độ màu):** Chọn nhiệt độ màu từ Warm (Ấm), Standard (Tiêu chuẩn), Cool (Mát), và Cold (Lạnh).
- **Color Matching (Tinh chỉnh màu):** Chọn các tùy chọn sau:
 - Color (Màu sắc): Chỉnh mức Đỏ (R), Lục (G), Lam (B), Xanh ngọc (C), Vàng (Y), Đỏ thẫm (M) và Trắng (W) cho hình.
 - Hue (Màu sắc): Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.
 - Saturation (Độ bão hòa): Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.
 - Gain (Tăng cường): Chỉnh độ sáng hình.
 - Reset (Thiết lập lại): Trở về cài đặt mặc định gốc cho Tinh chỉnh màu.
 - Exit (Thoát): Thoát menu "Color Matching (Tinh chỉnh màu)".
- **RGB Gain/Bias (Tăng cường/Lệch RGB):** Cài đặt này cho phép cài đặt độ sáng (tăng cường) và độ tương phản (độ lệch) của hình.
 - Reset (Thiết lập lại): Trở về cài đặt mặc định gốc cho Tăng cường/Lệch RGB.
 - Exit (Thoát): Thoát menu "RGB Gain/Bias (Tăng cường/Lệch RGB)".
- **Color Space (Không gian màu) (chỉ HDMI1):** Chọn loại khuôn màu thích hợp từ tùy chọn sau: Auto (Tự động), RGB (0-255), RGB (16-235) và YUV.
- **Color Space (Không gian màu) (Chỉ HDMI2/Composite):** Chọn loại khuôn màu thích hợp từ tùy chọn sau: Auto (Tự động), RGB (0-255), và RGB (16-235).

Lưu ý: Chức năng Không gian màu không được hỗ trợ nếu nguồn vào là HDMI3.

Brightness Mode (Chế độ sáng)

Chọn thủ công phần trăm công suất cho chế độ sáng và điều chỉnh cài đặt chế độ sáng.

- **DynamicBlack (Mức đen động):** Dùng để tự động chỉnh độ sáng hình ảnh nhằm đạt hiệu suất độ tương phản tối ưu.
- **Eco.:** Chọn "Eco." để giảm độ sáng đi-ốt laser máy chiếu vốn sẽ giảm thiểu mức tiêu thụ điện và kéo dài tuổi thọ đi-ốt laser.
- **Constant Power (Năng lượng không đổi):** Chọn tỷ lệ nguồn điện cho chế độ sáng.
- **Constant Luminance (Độ sáng không đổi):** Độ sáng không đổi sẽ thay đổi cường độ sáng LD để độ sáng luôn ổn định.

Reset (Thiết lập lại)

Trở về cài đặt mặc định gốc cho Cài đặt màu sắc.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chơi game nâng cao

Bật tính năng này để giảm thời gian phản hồi (độ trễ đầu vào) khi chơi game xuống còn 4 mili giây cho Cổng HDMI 1. Tất cả cài đặt hình học (ví dụ: Keystone, Waring) sẽ bị tắt khi Chế độ chơi game nâng cao được bật. Thông tin bổ sung bên dưới.

Lưu ý:

- Chỉ hỗ trợ trên HDMI1.
- Chỉ hỗ trợ 4 mili giây với tín hiệu 1080p 240Hz khi sử dụng PC chơi game hiệu năng cao với Card đồ họa thích hợp.
- Bảng độ trễ tín hiệu đầu vào ở bên dưới (giá trị có thể thay đổi đôi chút): **KHÔNG** hỗ trợ tín hiệu 4K120Hz.

Định giờ nguồn phát	Trò chơi nâng cao	Định giờ đầu ra	Độ phân giải đầu ra	Độ trễ đầu vào
1080p60	Bật	1080p240Hz	1080p	17 mili giây
1080p120	Bật	1080p240Hz	1080p	8,6 mili giây
1080p240	Bật	1080p240Hz	1080p	4 mili giây
4K60	Bật	4K60	4K	16,9 mili giây
1080p60	Tắt	4K60	1080p	33,8 mili giây
1080p120	Tắt	4K60	1080p	17 mili giây
1080p240	Tắt	4K60	1080p	8,6 mili giây
4K60	Tắt	4K60	4K	33,7 mili giây

- Xin lưu ý rằng khi bật chế độ "Enhanced Gaming (Trò chơi nâng cao)" – các tính năng Phát lại 3D, Tỷ lệ khung hình, Thu phóng, Dịch chuyển hình ảnh và Hiệu chỉnh hình học sẽ tự động tắt. Các chức năng và cài đặt này sẽ được khôi phục khi tắt "Chế độ chơi game nâng cao".

Menu 3D

3D Mode (Chế độ 3D)

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng chế độ 3D.

3D Sync Invert (Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D)

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D.

Menu Tỷ lệ khung hình

Chọn tỷ lệ khung hình của hình chiếu trong số các tùy chọn sau:

- 4:3:** Định dạng này áp dụng cho nguồn đầu vào 4:3.
- 16:9/21:9/32:9:** Các định dạng này là cho nguồn vào 16:9/21:9/32:9 như HDTV và DVD nâng cao cho TV màn hình rộng.
- V-Stretch:** Chế độ này kéo giãn hình ảnh 2.35:1 theo chiều dọc, loại bỏ các thanh màu đen.
- Full screen (Toàn màn hình):** Sử dụng tỷ lệ khung hình 2.0:1 đặc biệt này để hiển thị phim theo cả hai tỷ lệ khung hình 16:9 và 2.35:1 mà không có thanh màu đen ở trên và dưới màn hình.
- Auto (Tự động):** Tự động chọn định dạng hiển thị phù hợp.

Lưu ý:

- Thông tin chi tiết về chế độ V-Stretch:
 - Một số DVD định dạng hộp thư không được nâng cao cho tivi khổ 16x9. Trong trường hợp này, hình ảnh trông sẽ không ổn khi hiển thị ở chế độ 16:9. Trong trường hợp này, hãy thử dùng chế độ 4:3 để xem DVD. Nếu nội dung không phải là 4:3 thì sẽ có các thanh đen hiển thị xung quanh hình ảnh ở màn hình 16:9. Đối với loại nội dung này, bạn có thể sử dụng chế độ V-Stretch để lấp đầy hình ảnh trên màn hình 16:9.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- Nếu bạn sử dụng thấu kính giãn hình lắp ngoài, chế độ V-Stretch này cũng cho phép bạn xem nội dung 2.35:1 (bao gồm nguồn phim DVD và HDTV giãn hình). Chế độ này hỗ trợ tính năng giãn hình rộng được nâng cao cho Hiển thị 16x9 ở hình ảnh rộng 2.35:1. Trong trường hợp này sẽ không có thanh đen nào. Nguồn ánh sáng và độ phân giải dọc được sử dụng đầy đủ.
- Để sử dụng định dạng Toàn màn hình, hãy làm như sau:
 - a) Đặt tỷ lệ khung hình màn hình thành 2.0:1.
 - b) Lựa chọn định dạng "Full screen (Toàn màn hình)".
 - c) Căn chỉnh chính xác hình ảnh máy chiếu trên màn hình.

Bảng tỉ lệ UHD 4K:

Màn hình 16:9	480i/p	576i/p	720p	1080i/p	2160p
4x3	Chia tỉ lệ thành 2880 x 2160.				
16x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 2160.				
21x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 1644				
32x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 1080				
V-Stretch	Lấy hình ảnh trung tâm 3840 x 1620 và sau đó chia tỉ lệ hiển thị thành 3840 x 2160				
Full screen (Toàn màn hình)	Chia tỉ lệ thành 5068 x 2852 (phóng to 132%), sau đó lấy hình ảnh hiển thị trung tâm ở mức 3840 x 2160 Lưu ý: Dùng định dạng này để ẩn phụ đề của nguồn 2,35:1 và lấp đầy 100% DMD UHD.				
Auto (Tự động)	-Nếu nguồn tín hiệu có tỉ lệ 4:3 thì hãy tự chỉnh kích thước sang 2880 x 2160 -Nếu nguồn tín hiệu có tỉ lệ 16:9 thì hãy tự chỉnh kích thước sang 3840 x 2160 -Nếu nguồn tín hiệu có tỉ lệ 15:9 thì hãy tự chỉnh kích thước sang 3600 x 2160 -Nếu nguồn tín hiệu có tỉ lệ 16:10 thì hãy tự chỉnh kích thước sang 3456 x 2160				

Quy tắc tự bố trí:

	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	3840	2160
4:3	800	600	2880	2160
	1024	768	2880	2160
	1280	1024	2880	2160
	1400	1050	2880	2160
	1600	1200	2880	2160
Laptop màn hình rộng	1280	720	3840	2160
	1280	768	3600	2160
	1280	800	3456	2160
SDTV	720	576	2700	2160
	720	480	3240	2160
HDTV	1280	720	3840	2160
	1920	1080	3840	2160

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu thu phóng

Sử dụng để thu nhỏ hoặc phóng to hình trên màn hình chiếu.

Lưu ý: Các cài đặt thu phóng vẫn được giữ lại khi tắt đi và bật lại máy chiếu.

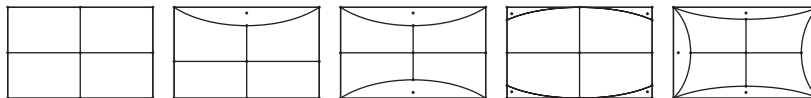
Menu Chuyển hình

Điều chỉnh vị trí hình chiếu theo chiều ngang (H) hoặc dọc (V).

Lưu ý: Kích thước hình sẽ giảm một ít khi chỉnh vuông hình ngang và dọc.

Menu Hiệu chỉnh hình học

- **Four Corners:** Cài đặt này cho phép hình ảnh được chiếu được điều chỉnh từ mỗi góc để tạo hình ảnh vuông góc khi mặt phẳng chiếu không phẳng.
Lưu ý: Khi điều chỉnh Four Corners, các menu Thu phóng, Tỷ lệ khung hình và Dịch chuyển hình ảnh sẽ bị tắt. Để bật Thu phóng, Tỷ lệ khung hình và Dịch chuyển hình ảnh, đặt lại các cài đặt Four Corners về mặc định ban đầu.
- **H Keystone (Chỉnh vuông ngang):** Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều ngang và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình ngang được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên bên trái và bên phải không đều nhau. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực ngang.
- **V Keystone (Chỉnh hình chiều dọc):** Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều dọc và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình dọc được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên phía trên và dưới bị nghiêng về một bên. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực dọc.
- **Auto V Keystone (Tự động chỉnh vuông hình dọc):** Tự động hiệu chỉnh lỗi vuông hình dọc.
- **3x3 Warp (Cong 3x3):** Dùng Cong 3x3 (chín điểm hiệu chỉnh) để điều chỉnh hình ảnh khớp với viền của bề mặt chiếu (màn chiếu) hoặc để loại bỏ méo hình ảnh (do bề mặt không bằng phẳng).



- **Reset (Thiết lập lại):** Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt hiệu chỉnh hình học.

Lưu ý: Khi sử dụng Chế độ chơi game nâng cao thì các menu Four Corner, Chỉnh vuông hình ngang, Chỉnh vuông hình dọc và Cong 3x3 sẽ bị tắt do các cài đặt này ảnh hưởng đến độ trễ đầu vào. Nếu bạn có ý định sử dụng Chế độ chơi game nâng cao để có độ trễ đầu vào thấp, chúng tôi khuyến nghị nên cài đặt máy chiếu mà không sử dụng Four Corner, Chỉnh vuông hình ngang, Chỉnh vuông hình dọc và Cong 3x3.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Âm thanh

Audio Mode (Chế độ âm thanh)

Chọn chế độ âm thanh thích hợp.

Lưu ý:

- Chế độ âm thanh đã chọn áp dụng cho tất cả các nguồn:
- Máy chiếu tự động phát hiện chế độ Loa / Đầu ra âm thanh.
- Cả hai HDMI1 đều hỗ trợ tính năng eARC.
- Nếu định dạng đầu vào âm thanh hiện tại không phải PCM, hệ thống sẽ đồng bộ lại sau khi chế độ âm thanh trên thiết bị nguồn đã thay đổi.
- Nếu thiết bị đầu ra âm thanh không hỗ trợ định dạng âm thanh nguồn đầu vào, thì đầu ra âm thanh sẽ gặp lỗi bất thường.

Mute (Tắt tiếng)

Dùng tùy chọn này để tạm tắt âm.

- **Off (Tắt):** Chọn "Off (Tắt)" để tắt tiếng.
- **On (Bật):** Chọn "On (Bật)" để mở tiếng.

Lưu ý: Chức năng tắt tiếng ảnh hưởng đến cả âm lượng loa trong và loa ngoài.

Volume (Âm lượng)

Chỉnh mức âm lượng.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu thiết lập

Projection (Trình chiếu)

Chọn trình chiếu ưa thích giữa phía trước, phía sau, trần-phía trên và phía sau-phía trên.

Power Settings (Điều chỉnh nguồn)

Định cấu hình cài đặt nguồn.

- **Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp):** Chọn "On (Bật)" để kích hoạt chế độ Nguồn trực tiếp. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi được có nguồn điện AC mà không cần ấn nút "Nguồn" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.
- **Signal Power On (Bật nguồn điện):** Chọn "On (Bật)" để kích hoạt chế độ Nguồn tín hiệu. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi tín hiệu đã được phát hiện, mà không cần nhấn phím "Nguồn" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Lưu ý:

- Chức năng này khả dụng với các nguồn VGA và HDMI.
- Chỉ có thể sử dụng Bật nguồn tín hiệu cho một cổng HDMI tại một thời điểm. Bật nguồn tín hiệu sẽ không hoạt động nếu có nhiều hơn một thiết bị nguồn được kết nối với máy chiếu. Nếu nhiều thiết bị nguồn được sử dụng với Bật nguồn tín hiệu, vui lòng sử dụng Bộ chuyển HDMI.
- **Auto Power Off (min) (Tắt nguồn (phút)):** Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).
- **Sleep Timer (min) (Hẹn giờ ngủ (phút)):** Định cấu hình hẹn giờ tắt máy.
 - Sleep Timer (min) (Hẹn giờ ngủ (phút)): Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi có hoặc không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Lưu ý: Hẹn giờ tắt máy sẽ được cài lại mỗi khi tắt nguồn máy chiếu.

- **Always On (Luôn Bật):** Chọn để luôn bật hẹn giờ tắt máy.
- **Power Mode (Standby) (Chế độ nguồn (Chờ)):** Thiết lập cài đặt chế độ nguồn.
 - Active (Tích cực): Chọn "Active (Tích cực)" để trở về chế độ chờ bình thường.
 - Eco.: Chọn "Eco." để tiết kiệm mức tiêu hao điện năng thêm < 0,5W.
- **USB Power (Standby) (Nguồn USB (Chế độ chờ)):** Bật hoặc tắt chức năng nguồn USB khi máy chiếu đang ở chế độ chờ.

Security (Bảo mật)

Thiết lập cài đặt bảo mật.

- **Security (Bảo mật):** Bật chức năng này để nhắc nhập mật khẩu trước khi sử dụng máy chiếu.
 - Off (Tắt): Chọn "Off (Tắt)" để có thể bật máy chiếu mà không cần xác minh mật khẩu.
 - On (Bật): Chọn "On (Bật)" để sử dụng xác minh bảo mật khi bật máy chiếu.

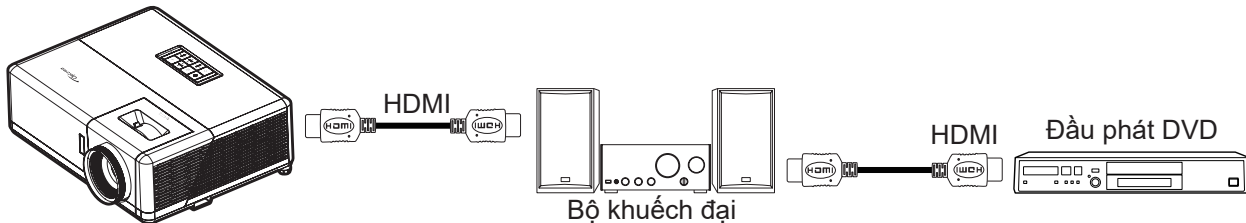
Lưu ý: Mật khẩu mặc định là 1234

- **Security Timer (Bộ đếm thời gian an toàn):** Có thể chọn chức năng thời gian (Month (Tháng) /Day (Ngày) /Hour (Giờ)) để đặt số giờ máy chiếu có thể được sử dụng. Một khi thời gian này đã qua, bạn sẽ được yêu cầu nhập lại mật khẩu.
- **Change Password (Đổi mật khẩu):** Dùng để đặt hoặc sửa đổi mật khẩu khi bật máy chiếu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

HDMI Link Settings (Thiết lập liên kết HDMI)

Lưu ý: Khi kết nối các thiết bị tương thích chuẩn HDMI CEC với máy chiếu bằng các cáp HDMI, bạn có thể kiểm soát chúng trên cùng tình trạng **Bật nguồn** hoặc **Tắt nguồn** qua tính năng kiểm soát Liên kết HDMI trên menu OSD của máy chiếu. Tùy chọn này cho phép bật nguồn hoặc tắt nguồn một thiết bị hoặc nhiều thiết bị trong một nhóm qua Tính năng Liên kết HDMI trong cấu hình chuẩn và đầu phát DVD của bạn có thể được kết nối với máy chiếu thông qua bộ âm li hoặc hệ thống nhà hát tại gia.



- **HDMI Link (Liên kết HDMI):** Bật/tắt chức năng Liên kết HDMI.
- **Inclusive of TV (Bao gồm TV):** Nếu được đặt thành "Yes (Có)" thì sẽ có tùy chọn liên kết bật nguồn và tắt nguồn.
- **Power On Link (Liên kết cho bật nguồn):** Lệnh bật nguồn CEC.
 - Mutual (Liên kết tương hỗ): Cả máy chiếu và thiết bị CEC sẽ được bật cùng một lúc.
 - PJ --> Device (Máy chiếu -> Thiết bị): Thiết bị CEC sẽ chỉ được bật sau khi máy chiếu được bật.
 - Device --> PJ (Thiết bị -> Máy chiếu): Máy chiếu sẽ chỉ được bật sau khi thiết bị CEC được bật.
- **Power Off Link (Liên kết cho tắt nguồn):** Bật chức năng này để tự động tắt cả Liên kết HDMI và máy chiếu cùng một lúc.

Test Pattern (Mẫu thử)

Chọn mẫu kiểm tra từ Green Grid (Khung lưới xanh), Magenta Grid (Khung lưới đỏ thẫm), White Grid (Khung lưới trắng), White (Trắng) hoặc tắt chức năng này (Off (Tắt)).

Remote Settings (Thiết lập điều khiển)

- **IR Function (Chức năng IR):** Đặt cài đặt chức năng IR.
 - On (Bật): Khi chọn "On (Bật)", máy chiếu có thể được vận hành bằng điều khiển từ xa từ bộ thu IR phía trên và phía trước.
 - Off (Tắt): Khi chọn "Off (Tắt)" thì không thể điều khiển máy chiếu bằng điều khiển từ xa được nữa. Khi chọn "Off (Tắt)", bạn sẽ có thể sử dụng các phím Bàn phím.

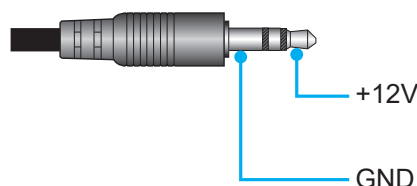
Projector ID (Mã nhận dạng (ID))

Có thể thiết lập định nghĩa Mã nhận dạng (ID) qua menu (biên độ từ 0-99), và cho phép người dùng điều khiển máy chiếu cá nhân bằng lệnh RS232.

12V Trigger (Bộ khởi động 12V)

Đùng chức năng này để bật hoặc tắt bộ khởi động.

Lưu ý: Giắc cắm mini 3,5mm dẫn dòng điện ra 12V 500mA (tối đa) để điều khiển hệ thống role.



- **On (Bật):** Chọn "On (Bật)" để bật trigger (bộ khởi động).
- **Off (Tắt):** Chọn "Off (Tắt)" để tắt bộ khởi động.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Options (Lựa chọn)

Thiết lập các tùy chọn của máy chiếu

- **Language (Ngôn ngữ):** Chọn menu đa ngôn ngữ OSD giữa tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Hoa phồn thể, tiếng Hoa giản thể, tiếng Nhật, tiếng Hàn và tiếng Nga.
- **Menu Settings (Tùy chỉnh Menu):** Đặt vị trí menu trên màn hình và định cấu hình cài đặt hẹn giờ menu.
 - Menu Location (Vị trí thực đơn): Chọn vị trí menu trên màn hình hiển thị.
 - Menu Timer (Đồng hồ menu): Cài thời lượng nơi mà menu OSD vẫn hiển thị trên màn hình.
- **Auto Source (Dò nguồn tự động):** Chọn tùy chọn này để cho phép máy chiếu tự động tìm nguồn đầu vào khả dụng.
- **Input Source (Nguồn tín hiệu vào):** Chọn nguồn đầu vào giữa HDMI1, HDMI2 và HDMI3.
- **Input Name (Nhập tên):** Dùng để đổi tên nguồn vào để dễ nhận dạng hơn. Các tùy chọn có sẵn bao gồm HDMI1, HDMI2 và HDMI3.
- **High Altitude (Điều chỉnh tốc độ quạt):** Khi chọn "On (Bật)", các quạt sẽ quay mạnh hơn. Tính năng này hữu ích tại các khu vực có nhiều độ cao nơi mà ít không khí.
- **Display Mode Lock (Khóa chế độ hiển thị):** Chọn "On (Bật)" hoặc "Off (Tắt)" để khóa hoặc mở khóa chức năng chỉnh cài đặt chế độ hiển thị.
- **Keypad Lock (Khóa bàn phím):** Khi chức năng khóa bàn phím là "On (Bật)", bàn phím sẽ bị khóa. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn "Off (Tắt)", bạn sẽ có thể sử dụng lại Bàn phím.
- **Information Hide (Ẩn thông tin):** Bật chức năng này để ẩn thông báo thông tin.
 - **Off (Tắt):** Chọn "Off (Tắt)" để hiển thị thông báo "searching (đang tìm kiếm)".
 - **On (Bật):** Chọn "On (Bật)" để ẩn thông tin.
- **Logo (Biểu tượng):** Sử dụng chức năng này để đặt màn hình khởi động mong muốn. Nếu thực hiện các thay đổi, chúng sẽ có hiệu lực ở lần bật máy chiếu tiếp theo.
 - **Default (Chế độ mặc định):** Màn hình khởi động mặc định.
 - **Neutral (Trung lập):** Logo sẽ không hiển thị trên màn hình khởi động.
- **Background Color (Màu nền):** Sử dụng chức năng này để hiển thị màu xanh lam, đỏ, xanh lục, xám, logo hoặc trống khi không có tín hiệu.

Reset (Thiết lập lại)

Đặt lại máy chiếu.

- **Reset OSD (Cài đặt OSD):** Khôi phục menu OSD về mặc định.
- **Reset to Default (Cài đặt mặc định):** Khôi phục toàn bộ cài đặt về mặc định.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Thông tin

Xem thông tin máy chiếu như liệt kê sau đây:

- Regulatory (Điều khiển)
- Serial Number (Số Seri)
- Source (Nguồn)
- Resolution (Độ phân giải)
- Refresh Rate (Tỉ lệ làm mới)
- Display Mode (Chế độ hiển thị)
- Projector ID (Mã nhận dạng (ID))
- Brightness Mode (Chế độ sáng)
- FW Version (Phiên bản FW)

THÔNG TIN BỔ SUNG

Độ phân giải tương thích

Tương thích video

Tín hiệu	Độ phân giải
SDTV	480p
HDTV	720p (50/60Hz), 1080i (50/60Hz), 1080p (24/50/60Hz)
UHD	2160p (24/50/60Hz)

Định giờ video chi tiết:

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Ghi chú
SDTV(480p)	640 x 480	60	
HDTV(720p)	1280 x 720	50/60	
HDTV(1080i)	1920 x 1080	50/60	
HDTV(1080p)	1920 x 1080	24/50/60	
HDTV(1080p)	1920 x 1080	240	Chỉ cho HDMI1, HDMI2
WQHD(1440p)	2560 x 1440	120	
UHD(2160p)	3840 x 2160	24/50/60	Cho 4K UHD

Tương thích với máy tính

Tiêu chuẩn VESA (Tín hiệu máy tính (tương thích RGB Analog)):

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Các ghi chú cho máy Mac
SVGA	800 x 600	56/60/72	Mac 60/72
XGA	1024 x 768	60/70/75	Mac 60/70/75
HDTV(720p)	1280 x 720	50/60	Mac 60
WXGA	1280 x 768	60/75	Mac 60/75
WXGA	1280 x 800	60	Mac 60
WXGA	1366 x 768	60	Mac 60
WXGA+	1440 x 900	60	Mac 60
SXGA	1280 x 1024	60/75	Mac 60/75
UXGA	1600 x 1200	60	
HDTV(1080p)	1920 x 1080	24/50/60	Mac 60
WUXGA	1920 x 1200 (*)	60	Mac 60

Lưu ý: (*)1920 x 1200 tại 60Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mất tín hiệu).

THÔNG TIN BỔ SUNG

Bảng định giờ cho PC:

Tín hiệu	Độ phân giải	Tần số ngang	Tốc độ cập nhật			
		(KHz)	(Hz)	Video	Kỹ thuật số	Ghi chú
SVGA	800 x 600	35,2	56,3	Không có	√	56Hz
SVGA	800 x 600	37,9	60,3	Không có	√	60Hz
SVGA	800 x 600	46,9	75	Không có	√	Không có
SVGA	800 x 600	48,1	72,2	Không có	√	72Hz
SVGA	800 x 600	53,7	85,1	Không có	√	85Hz
SVGA	832 x 624	Không có	75	Không có	√	Không có
XGA	1024 x 768	48,4	60	Không có	√	Không có
XGA	1024 x 768	56,5	70,1	Không có	√	70Hz
XGA	1024 x 768	60	75	Không có	√	Không có
XGA	1024 x 768	68,7	85	Không có	√	Không có
XGA	1024 x 768	Không có	120	Không có	Không có	Không có
SXGA	1152 x 864	Không có	75	Không có	√	Không có
HD720	1280 x 720	Không có	50	Không có	√	Không có
HD720	1280 x 720	Không có	60	Không có	√	Không có
HD720	1280 x 720	92,62	120	Không có	Không có	Không có
WXGA	1280 x 768	47,4	60	Không có	√	Không có
WXGA	1280 x 768	Không có	75	Không có	√	Không có
WXGA	1280 x 768	Không có	85	Không có	√	Không có
WXGA-800	1280 x 800	Không có	60	Không có	√	Không có
SXGA	1280 x 1024	64	60	Không có	√	Không có
SXGA	1280 x 1024	80	75	Không có	√	Không có
SXGA	1280 x 1024	91,1	85	Không có	√	Không có
SXGA+	1400 x 1050	Không có	60	Không có	Không có	Không có
UXGA	1600 x 1200	75	60	Không có	√	Không có
HD1080	1920 x 1080	Không có	24	Không có	√	Không có
HD1080	1920 x 1080	Không có	50	Không có	√	Không có
HD1080	1920 x 1080	Không có	60	Không có	√	Không có
WUXGA	1920 x 1200	Không có	60	Không có	√	RB
HDTV	1920 x 1080i	Không có	50	√	√	Không có
HDTV	1920 x 1080i	Không có	60	√	√	Không có
HDTV	1920 x 1080p	Không có	24	√	√	Không có
HDTV	1920 x 1080p	Không có	50	√	√	Không có
HDTV	1920 x 1080p	Không có	60	√	√	Không có
HDTV	1280 x 720	45	60	√	Không có	Không có
HDTV	1280 x 720p	Không có	50	√	√	Không có
HDTV	1280 x 720p	Không có	60	√	√	Không có
SDTV	720 x 480p	Không có	60	Không có	√	Không có

Lưu ý: “√” nghĩa là độ phân giải được hỗ trợ; “Không có” nghĩa là độ phân giải không được hỗ trợ.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Khả năng tương thích máy tính cho MAC

Độ phân giải	Hz	Tương thích với Macbook	Khả năng tương thích của Macbook Pro (Intel)	Khả năng tương thích Power Mac G5	Khả năng tương thích Power Mac G4
		Kỹ thuật số	Kỹ thuật số	Kỹ thuật số	Kỹ thuật số
800 x 600	60	√	√	Không có	√
800 x 600	72	√	√	Không có	√
800 x 600	75	√	√	Không có	√
800 x 600	85	√	Không có	Không có	√
1024 x 768	60	√	√	Không có	√
1024 x 768	70	√	√	Không có	√
1024 x 768	75	√	√	Không có	√
1024 x 768	85	√	√	Không có	√
1280 x 720	60	√	√	Không có	√
1280 x 768	60	√	√	Không có	Không có
1280 x 768	75	Không có	Không có	Không có	√
1280 x 768	85	Không có	Không có	Không có	Không có
1280 x 800	60	Không có	Không có	Không có	√
1280 x 1024	60	√	Không có	Không có	√
1280 x 1024	75	√	Không có	Không có	√
1920 x 1080	60	√	Không có	Không có	√
1920 x 1200 (*)	60	√	Không có	Không có	√
3840 x 2160	60	Không có	Không có	Không có	Không có

Lưu ý:

- (*) 1920 x 1200 tại 60Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mất tín hiệu).
- "√" có nghĩa là độ phân giải được hỗ trợ; "Không có" nghĩa là độ phân giải không được hỗ trợ.

Tín hiệu đầu vào cho HDMI

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Các ghi chú cho máy Mac
SVGA	800 x 600	60/72/85/120	Mac 60/72/85
XGA	1024 x 768	60/70/75/85/120	Mac 60/70/75/85
SDTV(480P)	640 x 480	60	
HDTV(720p)	1280 x 720	50/60	Mac 60
WXGA	1280 x 768	60/75/85	Mac 75
WXGA	1280 x 800	60/120	Mac 60
WXGA(*2)	1366 x 768	60	
WXGA+	1440 x 900	60/120(RB)	Mac 60
SXGA	1280 x 1024	60/75/85	Mac 60/75
SXGA+	1400 x 1050	60/85	
UXGA	1600 x 1200	60/65/70/75/85	
HDTV(1080i)	1920 x 1080	50/60	
HDTV(1080p)	1920 x 1080	24/30/50/60/120	Mac 60
HDTV(1080p)	1920 x 1080	240(*3)	Mac 60
WUXGA	1920 x 1200(*1)	60	Mac 60RB
WQHD	2560 x 1440	60RB/120	
UHD(2160p)	3840 x 2160	24/30/50/60	Mac 24/30
UHD(2160p)	4096 x 2160	24/30/50/60	Mac 24

THÔNG TIN BỔ SUNG

Lưu ý:

- (*1) 1920 x 1200 tại 60Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mất tín hiệu).
- (*2) Định giờ tiêu chuẩn Windows 10.
- (*3) Chỉ hỗ trợ với HDMI1 và HDMI2.

Định giờ hỗ trợ 3D

Định giờ 3D HDMI 1.4a cho Blu-Ray 3D:

Tín hiệu	Định giờ	Công hỗ trợ
720p (Gói khung)	1280 x 720 tại 50Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3
720p (Gói khung)	1280 x 720 tại 60Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3
1080p (Gói khung)	1920 x 1080 tại 23,98/24Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3
720p (Trên và dưới)	1280 x 720 tại 50Hz	HDMI3
720p (Trên và dưới)	1280 x 720 tại 60Hz	HDMI3
1080p (Trên và dưới)	1920 x 1080 tại 23,98/24Hz	HDMI3
1080i (Bên cạnh (Một nửa))	1920 x 1080 tại 50(25)Hz	HDMI3
1080i (Bên cạnh (Một nửa))	1920 x 1080 tại 60(30)Hz	HDMI3

Định dạng 3D máy tính

Tín hiệu	Định giờ	Công hỗ trợ
Khung tuần tự	800 x 600 tại 120Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3
Khung tuần tự	1024 x 768 tại 120Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3
Khung tuần tự	1280 x 800 tại 120Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3
Khung tuần tự	1920 x 1080 tại 120Hz	HDMI1, HDMI2, HDMI3

Bảng Extended Display Identification Data (EDID)

Tín hiệu kỹ thuật số (HDMI 2.0)

Độ phân giải thực tín hiệu kỹ thuật số: 3840 x 2160 tại 60Hz

B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chuẩn	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
800 x 600 tại 56Hz	1280 x 720 tại 60Hz	3840 x 2160 tại 60Hz (mặc định)	1920 x 1080p tại 120Hz 16:9	2560 x 1440 tại 120Hz
800 x 600 tại 72Hz	1280 x 800 tại 60Hz		720 x 480p tại 60Hz 4:3	1920 x 1080 tại 240Hz
800 x 600 tại 75Hz	1280 x 1024 tại 60Hz		1920 x 1080i tại 60Hz 16:9	
832 x 624 tại 75Hz	1920 x 1200 tại 60Hz		1920 x 1080i tại 50Hz 16:9	
1024 x 768 tại 60Hz	800 x 600 tại 120Hz		1920 x 1080p tại 60Hz 16:9	
1024 x 768 tại 70Hz	1024 x 768 tại 120Hz		1920 x 1080p tại 50Hz 16:9	
1024 x 768 tại 75Hz	1280 x 800 tại 120Hz		1920 x 1080p tại 24Hz 16:9	
1280 x 1024 tại 75Hz			3840 x 2160 tại 24Hz 16:9	
1152 x 870 tại 75Hz			3840 x 2160 tại 25Hz 16:9	
			3840 x 2160 tại 30Hz 16:9	
			3840 x 2160 tại 50Hz 16:9	
			3840 x 2160 tại 60Hz 16:9	
			4096 x 2160 tại 24Hz	
			4096 x 2160 tại 25Hz	

THÔNG TIN BỔ SUNG

B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chuẩn	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
			4096 x 2160 tại 30Hz	
			4096 x 2160 tại 50Hz	
			4096 x 2160 tại 60Hz	
			720 x 480p tại 60Hz 16:9	
			1280 x 720p tại 60Hz 16:9	
			1280 x 720p tại 50Hz 16:9	
			720 x 576p tại 60Hz 16:9	

Lưu ý:

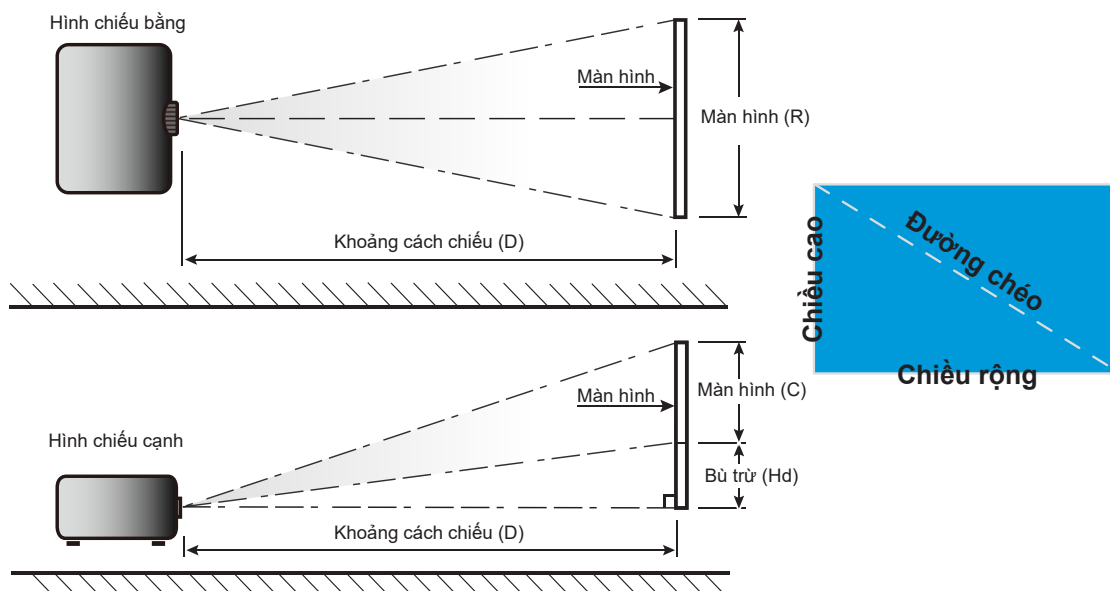
- Hỗ trợ 1920 x 1080 tại 50Hz.
- Chỉ hỗ trợ 1920 x 1080 tại 240Hz với HDMI1 và HDMI2.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Cỡ hình và khoảng cách chiếu

Độ dài đường chéo màn hình (inch) 16:9	Cỡ màn hình Rộng x Cao				Khoảng cách chiếu (D)				Bù trừ (Hd)	
	(m)		(inch)		(m)		(foot)		(m)	(foot)
	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều rộng	Chiều cao	Rộng	Xa	Rộng	Xa		
30	0,66	0,37	26,15	14,71	-	1,1	-	43,4	0,02	0,06
50	1,11	0,62	43,58	24,51	1,7	1,8	65,4	72,3	0,03	0,10
60	1,33	0,75	52,29	29,42	2,0	2,2	78,4	86,8	0,04	0,12
75	1,66	0,93	65,37	36,77	2,5	2,8	98,1	108,5	0,05	0,15
90	1,99	1,12	78,44	44,12	3,0	3,3	117,7	130,2	0,06	0,18
100	2,21	1,25	87,16	49,03	3,3	3,7	130,7	144,7	0,06	0,20
120	2,66	1,49	104,59	58,83	4,0	4,4	156,9	173,6	0,07	0,25
150	3,32	1,87	130,74	73,54	5,0	5,5	196,1	217,0	0,09	0,31
180	3,98	2,24	156,88	88,25	6,0	6,6	235,3	260,4	0,11	0,37
210	4,65	2,62	183,03	102,95	7,0	7,7	274,5	303,8	0,13	0,43
300	6,64	3,74	261,47	147,08	10,0	-	392,2	-	0,19	0,61

Lưu ý: Các giá trị này không chính xác và có thể chênh lệch nhẹ.



THÔNG TIN BỔ SUNG

Các mã điều khiển từ xa



Phím		Mã tùy chỉnh		Mã phím		Mô tả
		Byte 1	Byte 2	Byte 3	Byte 3	
Bật nguồn		32	CD	02	FD	Nhấn để bật máy chiếu.
Nguồn tín hiệu		32	CD	C3	3C	Nhấn "Nguồn" để chọn tín hiệu đầu vào.
Đèn nền		Không có				Bật/tắt đèn nền.
Tái đồng bộ		32	CD	C4	3B	Tự động đồng bộ máy chiếu với nguồn vào.
Hẹn giờ tắt máy		32	CD	63	9C	Đặt khoảng thời gian hẹn giờ ngủ.
Điều chỉnh vuông hình		32	CD	7	F8	Điều chỉnh độ méo hình ảnh do nghiêng máy chiếu.
Tỉ lệ khung hình		32	CD	64	9B	Nhấn để đổi tỉ lệ khung hình hiển thị.
3D	3D	32	CD	89	76	Chọn bằng tay chế độ 3D phù hợp với nội dung 3D của bạn.
Độ sáng		32	CD	41	BE	Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Phím		Mã tùy chỉnh		Mã phím		Mô tả
		Byte 1	Byte 2	Byte 3	Byte 3	
Độ tương phản		32	CD	42	BD	Kiểm soát độ khác biệt giữa phần sáng nhất và tối nhất của hình.
Đèn		32	CD	0A	F5	Chọn chế độ sáng.
CMS	CMS	32	CD	0B	F4	Mở Hệ thống quản lý màu Optoma (CMS). (không hỗ trợ)
Chế độ		32	CD	5	FA	Chọn chế độ hiển thị để có cài đặt tối ưu cho các ứng dụng khác nhau. Vui lòng xem trang 27.
HDR	HDR	32	CD	0C	F3	Định cấu hình cài đặt (HDR).
Bốn phím điều hướng	^	32	CD	11	EE	Chọn các mục hoặc thực hiện điều chỉnh cho lựa chọn của bạn.
	v	32	CD	14	EB	
	<	32	CD	10	EF	
	>	32	CD	12	ED	
Nhập	○	32	CD	0F	F0	Xác nhận lựa chọn mục của bạn.
Quay lại		32	CD	0D	F2	Di chuyển về menu trước.
Menu		32	CD	0E	F1	Hiện thị hoặc thoát khỏi các menu hiển thị trên màn hình cho máy chiếu.
Âm lượng -		32	CD	8F	70	Điều chỉnh để giảm âm lượng.
Tắt tiếng		32	CD	52	AD	Tắt âm.
Âm lượng +		32	CD	8C	73	Điều chỉnh để tăng âm lượng.
HDMI1	HDMI 1	32	CD	16	E9	Chọn nguồn đầu vào HDMI1.
HDMI2	HDMI 2	32	CD	30	CF	Chọn nguồn đầu vào HDMI2.
HDMI3	HDMI 3	32	CD	98	67	Chọn nguồn đầu vào HDMI3.
Người sử dụng1		32	CD	36	C9	Hẹn giờ tắt máy.
Người sử dụng2		32	CD	65	9A	CMS.
Người sử dụng3		32	CD	66	99	Không chức năng.
Người sử dụng4		32	CD	09	F6	Không chức năng.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Khắc phục sự cố

Nếu bạn gặp một sự cố với máy chiếu, vui lòng tham khảo thông tin dưới đây. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc trung tâm dịch vụ địa phương.

Các sự cố về hình ảnh

- [?]** *Không có hình ảnh trên màn hình*

 - Đảm bảo mọi cáp và kết nối nguồn đều được cắm đúng và chắc chắn như được mô tả trong phần "Cài đặt".
 - Đảm bảo tất cả các chân của đầu nối không bị cong hay gãy.
 - Đảm bảo chưa bật tính năng "Chặn AV".

- [?]** *Hình ảnh lệch tiêu điểm*

 - Điều chỉnh vòng chỉnh tiêu điểm trên thấu kính của máy chiếu. Vui lòng xem trang 17.
 - Đảm bảo màn chiếu nằm giữa khoảng cách yêu cầu với máy chiếu. (Vui lòng tham khảo trang 45).

- [?]** *Hình ảnh bị kéo giãn khi hiển thị tiêu đề 16:9 DVD*

 - Khi bạn phát DVD tiệm biến hay DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh tốt nhất ở định dạng 16:9 ở bên máy chiếu.
 - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng 4:3, hãy thay đổi định dạng sang 4:3 trong OSD của máy chiếu.
 - Vui lòng thiết lập định dạng hiển thị là loại tỉ lệ màn hình 16:9 (rộng) trên máy phát DVD.

- [?]** *Hình ảnh quá nhỏ hoặc quá lớn*

 - Hãy điều chỉnh cần thu phóng nằm bên trên máy chiếu.
 - Đặt máy chiếu gần hoặc xa màn chiếu hơn.
 - Nhấn "Menu" trên bảng điều khiển máy chiếu, truy cập "Display (Hiển thị)-->Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)". Thử dùng các cài đặt khác.

- [?]** *Hình ảnh có các mặt nghiêng:*

 - Nếu có thể, chỉnh lại vị trí máy chiếu sao cho nó nằm giữa màn hình và thấp hơn đáy của màn hình.

- [?]** *Hình ảnh bị đảo ngược*


 - Chọn "Setup (Cài Đặt)-->Projection (Trình chiếu)" từ menu OSD và điều chỉnh hướng chiếu.

- [?]** *Hình ảnh kép, mờ*


 - Đảm bảo "Display Mode (Chế độ hiển thị)" không phải là 3D để tránh hình 2D có vẻ như là hai ảnh bị nhòe.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Các sự cố khác

-  *Máy chiếu dừng đáp ứng với mọi điều khiển*
- Nếu có thể, hãy tắt máy chiếu, sau đó rút dây nguồn và chờ ít nhất 20 giây trước khi cắm lại nguồn.

Các sự cố về bộ điều khiển từ xa

-  *Nếu điều khiển từ xa không hoạt động*
- Kiểm tra xem góc hoạt động của điều khiển từ xa có được chứa trong phạm vi $\pm 15^\circ$ hướng về phía trên hoặc phía trước bộ thu hồng ngoại (IR) trên máy chiếu hay không.
 - Đảm bảo không có bất kỳ vật cản nào giữa điều khiển từ xa và máy chiếu. Di chuyển trong phạm vi 6 mét (~19 foot) so với máy chiếu.
 - Đảm bảo pin được lắp đúng cách.
 - Thay pin nếu pin đã cạn.

Chỉ báo cảnh báo

Khi các đèn cảnh báo (xem bên dưới) sáng lên hoặc nhấp nháy, máy chiếu sẽ tự động tắt:

- Đèn báo LED "Nguồn sáng" sáng đỏ và nếu đèn báo "Bật/Chờ" nhấp nháy màu đỏ.
- Đèn báo LED "NHIỆT ĐỘ" sáng màu đỏ và nếu đèn báo "Bật/Chờ" nhấp nháy màu đỏ. Dấu hiệu này cho biết máy chiếu đã quá nóng. Dưới các điều kiện bình thường, máy chiếu có thể được bật trở lại.
- Đèn báo LED "NHIỆT ĐỘ" nhấp nháy màu đỏ và nếu đèn báo "Bật/Chờ" nhấp nháy màu đỏ.

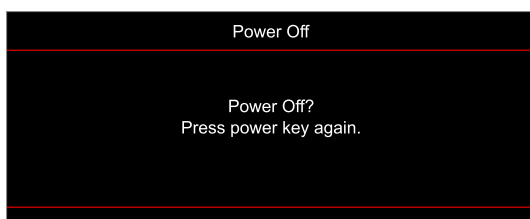
Rút dây nguồn khỏi máy chiếu, đợi 30 giây rồi thử lại. Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, vui lòng liên hệ với trung tâm bảo hành gần nhất để được trợ giúp.

THÔNG TIN BỔ SUNG

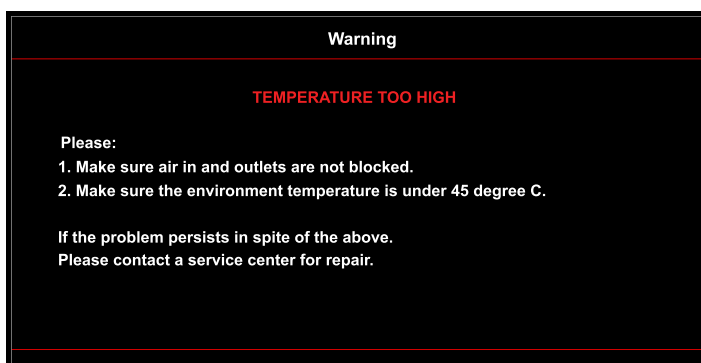
Đèn LED trạng thái

Tin nhắn	Đèn LED Bật/Chờ		Đèn LED nhiệt độ	Nguồn ánh sáng LED
	(Đỏ)	(Lam)	(Đỏ)	(Đỏ)
Trạng thái chờ (Dây nguồn đầu vào)	Sáng ổn định			
Nguồn bật (Làm nóng)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây)		
Bật nguồn và chiếu sáng nguồn sáng		Sáng ổn định		
Nguồn tắt (Làm nguội)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây). Trở về đèn đỏ ổn định khi quạt làm nguội tắt.		
Lỗi (Lỗi nguồn sáng)	Nhấp nháy			Sáng ổn định
Lỗi (Quạt hỏng)	Nhấp nháy		Nhấp nháy	
Lỗi (Quá nhiệt)	Nhấp nháy		Sáng ổn định	
Trạng thái chờ (Chế độ thử nóng)		Nhấp nháy		
Thử nóng (Làm nóng)		Nhấp nháy		
Thử nóng (Làm nguội)		Nhấp nháy		
Thử nóng (Chiếu sáng nguồn sáng)		Nhấp nháy (3 giây bật/1 giây tắt)		
Thử nóng (Tắt nguồn sáng)		Nhấp nháy (1 giây bật/3 giây tắt)		

- Tắt nguồn:

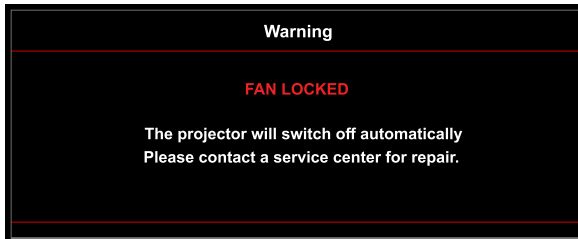


- Cảnh báo nhiệt độ:

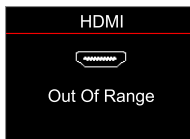


THÔNG TIN BỔ SUNG

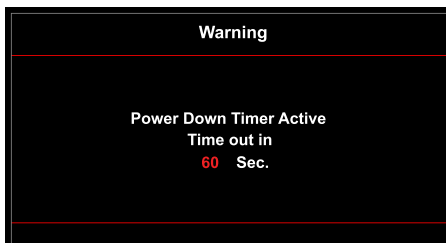
- Quạt hỏng:



- Ngoài phạm vi hiển thị:



- Cảnh báo tắt nguồn:



THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông số kỹ thuật

Quang học	Mô tả
Công nghệ	Texas Instrument DMD, 0,47"/1080p UHD HSSI DMD X1, S451
Độ phân giải đầu ra	1920 x 1080 (không có bộ dẫn động)
Độ phân giải đầu vào tối đa	Hình ảnh lên đến 2160p tại 60Hz <ul style="list-style-type: none">HDMI1 (2.0): 2160P tại 60HzHDMI2 (2.0): 2160P tại 60HzHDMI3 (2.0): 2160P tại 60Hz Bảng thông tối đa: <ul style="list-style-type: none">HDMI 2.0: 600MHzHDMI 1.4: 600MHz (RB)
Ống kính	<ul style="list-style-type: none">Tỷ lệ lệch tâm chuẩn 1,5~1,66 (dung sai +/-3%)F-stop: 1,98 (góc rộng)~2,02 (tele)Tiêu cự: 15,84~17,44mmTỷ lệ thu phóng: 1,1x
Độ lệch	105% (dung sai +/-5%)
Kích cỡ ảnh	33" ~ 300, được tối ưu rộng 80"
Khoảng cách chiếu	1,2m~9,9m
Cổng I/O	<ul style="list-style-type: none">HDMI V2.0 / HDCP2.2 (x3)USB2.0 (để nâng cấp FW)Đầu ra âm thanh 3,5mmĐầu cắm đực RS-232 (D-sub 9 chân)RJ-45 (Hỗ trợ các chức năng IoT, Internet và OTA)S/PDIF (Hỗ trợ PCM 2 kênh, Dolby Digital (5.1))Đầu cắm 12V (giắc cắm 3,5mm)Đồng bộ hóa 3D
Màu sắc	1073,4 triệu màu
Tốc độ quét	<ul style="list-style-type: none">Tốc độ dò ngang: 31,0~135,0 KHzTốc độ dò dọc: 24~120 Hz
Loa	Có, 8W
Tiêu thụ điện năng	<ul style="list-style-type: none">Chế độ sáng: 100%<ul style="list-style-type: none">Nguồn điện 240W ±15% tại 110VAC BTU thông thường: 819Nguồn điện 230W ±15% tại 220VAC BTU thông thường: 785Chế độ tiết kiệm: 80%<ul style="list-style-type: none">Nguồn điện 185W ±15% tại 110VAC BTU thông thường: 631Nguồn điện 175W ±15% tại 220VAC BTU thông thường: 597
Yêu cầu nguồn điện	100 - 240V ±10%, AC 50/60Hz
Dòng điện vào	3,0A
Hướng lắp đặt	Phía trước, phía sau, trần-phía trên, phía sau-phía trên
Kích thước (Rộng x Dày x Cao)	<ul style="list-style-type: none">Không có chân đế: 337 x 265 x 108 mm (13,26 x 10,43 x 4,25 inch)Có chân: 337 x 265 x 119,3 mm (13,26 x 10,43 x 4,69 inch)
Trọng lượng	4,8 kg (10,58 lbs)
Môi trường	Hoạt động ở 0~40°C, độ ẩm 80% (không ngưng tụ)

Lưu ý: Mọi thông số kỹ thuật chịu sự thay đổi mà không cần thông báo.




THÔNG TIN BỔ SUNG

Văn phòng toàn cầu của Optoma

Để được bảo dưỡng hoặc hỗ trợ, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương.



Hoa Kỳ

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com




Canada

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com

Châu Mỹ Latin

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com



Châu Âu

Unit 1, Network 41, Bourne End Mills
Hemel Hempstead, Herts,
HP1 2UJ, United Kingdom
www.optoma.eu
Điện thoại bảo hành:
+44 (0)1923 691865

 +44 (0) 1923 691 800
 +44 (0) 1923 691 888
 service@tsc-europe.com




Benelux BV

Randstad 22-123
1316 BW Almere
The Netherlands
www.optoma.nl

 +31 (0) 36 820 0252
 +31 (0) 36 548 9052



Pháp

Bâtiment E
81-83 avenue Edouard Vaillant
92100 Boulogne Billancourt, France

 +33 1 41 46 12 20
 +33 1 41 46 94 35
 savoptoma@optoma.fr




Spain

C/ José Hierro,36 Of. 1C
28522 Rivas VaciaMadrid,
Spain

 +34 91 499 06 06
 +34 91 670 08 32




Đức

Am Nordpark 3
41069 Mönchengladbach
Germany

 +49 (0) 2161 68643 0
 +49 (0) 2161 68643 99
 info@optoma.de

Scandinavia

Lerpeveien 25
3040 Drammen
Norway

 +47 32 98 89 90
 +47 32 98 89 99
 info@optoma.no

PO.BOX 9515
3038 Drammen
Norway

Hàn Quốc

<https://www.optoma.com/kr/>

Nhật Bản



<https://www.optoma.com/jp/>

Đài Loan

<https://www.optoma.com/tw/>

Trung Quốc

Room 2001, 20F, Building 4,
No.1398 Kaixuan Road,
Changning District
Shanghai, 200052, China

 +86-21-62947376
 +86-21-62947375
www.optoma.com.cn

Úc

<https://www.optoma.com/au/>

